

Số: *674* /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2021

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh.

Căn cứ Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; Thực hiện hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5006/BKHĐT-TH ngày 04/8/2020 về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021 và Công văn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 về phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021; Thực hiện chương trình Kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh khóa III; trên cơ sở tình hình thực hiện đến tháng 11, UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021, cụ thể như sau:

Phần thứ I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

Kế hoạch đầu tư công năm 2020 là kế hoạch năm cuối thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, đồng thời là năm đầu tiên triển khai những quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2019⁽¹⁾. Trong bối cảnh, năm 2020 nền kinh tế nước ta bị tác động toàn diện bởi đại dịch Covid-19 và suy thoái kinh tế thế giới, do vậy việc đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công được xem là giải pháp tích cực để hỗ trợ tăng trưởng cho nền kinh tế, góp phần ổn định kinh tế - xã hội.

1. Công tác chỉ đạo điều hành kế hoạch đầu tư công năm 2020:

Thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ⁽²⁾ và Tỉnh ủy⁽³⁾, UBND tỉnh đã triển khai đồng bộ các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân

¹ Theo đó, Thủ tướng Chính phủ giao vốn một lần cho các địa phương; các địa phương chịu trách nhiệm phân bổ chi tiết vốn đầu tư nguồn NSTW năm 2020 đối với từng danh mục dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Áp dụng đồng loạt nhiều quy định mới về điều chỉnh nguồn vốn, quyết định chủ trương đầu tư, hòa các nguồn vốn NSTW (CTMT, TPCP...) thành nguồn trung ương hỗ trợ có mục tiêu...

² (1) Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch Covid-19; (2) Thông báo số 242/TB-VPCP ngày 18/7/2020 về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Hội nghị giao ban trực tuyến đôn đốc triển khai công tác đầu tư công năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ với

nguồn vốn đầu tư công năm 2020, xác định nhiệm vụ đẩy nhanh nguồn vốn đầu tư công, tạo sự thúc đẩy để phát triển kinh tế - xã hội, trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, ưu tiên trong năm 2020.

Định kỳ, UBND tỉnh tổ chức họp chuyên đề về đầu tư công để đôn đốc công tác giải ngân, triển khai thực hiện kế hoạch vốn năm 2020, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc thuộc thẩm quyền xử lý của UBND tỉnh; Đồng thời, thành lập Ban Chỉ đạo 562⁽⁴⁾ về chỉ đạo thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, do Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng ban, các PCT UBND tỉnh làm Tổ trưởng, định kỳ 15 ngày tổ chức họp, kiểm tra thực địa, theo dõi tiến độ triển khai và tỉ lệ giải ngân các dự án thuộc các lĩnh vực Công nghiệp - xây dựng; Nông nghiệp - thủy lợi; Văn hóa - xã hội. Ban hành Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 17/7/2020 về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020; Công văn số 4288/UBND-KTTH ngày 20/8/2020 về một số nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công đến cuối năm 2020 và nhiều văn bản chỉ đạo điều hành. Kiên quyết điều chuyển vốn của các dự án triển khai chậm cho các dự án có tỷ lệ giải ngân cao. Qua đó, nhận thức về đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công và kỷ luật, kỷ cương đầu tư công ngày càng được nâng cao; nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu trong tất cả các khâu của quá trình đầu tư công, gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2. Tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước trong năm 2020 là 2.396.592 triệu đồng, trong đó: Kế hoạch vốn giao trong năm 2020 là 2.098.553 triệu đồng, vốn chuyển nhiệm vụ chi năm 2019 sang năm 2020 là 298.039 triệu đồng. Cụ thể như sau:

a) Tổng số kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020⁽⁵⁾ là 2.098.553 triệu đồng, bao gồm: 1.841.653 triệu đồng vốn trong nước và 256.900 triệu đồng vốn ODA, trong đó:

- Nguồn ngân sách địa phương: 828.198 triệu đồng (không bao gồm trích lập quỹ phát triển đất là 64.000 triệu đồng và vốn vay lại của Chính phủ là 23.500 triệu đồng);

các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; (3) Công văn số 623/TTg-KTTH ngày 26/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về tập trung chỉ đạo, đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2020;

³ Thường trực Tỉnh ủy tổ chức hội nghị chuyên đề về thúc đẩy giải ngân nguồn vốn đầu tư công, quán triệt chỉ đạo tại Thông báo số 3237-TB/TU ngày 29/7/2020 về ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2020.

⁴ Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 23/4/2020 của UBND tỉnh về Thành lập Ban chỉ đạo thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và trong triển khai thực hiện các dự án đầu tư ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

⁵ Triển khai Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSNN 2020, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển vốn NSNN năm 2020 với tổng số vốn là 2.098.553 triệu đồng (bao gồm: 1.841.653 triệu đồng vốn trong nước và 256.900 triệu đồng vốn ODA); Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 của UBND tỉnh, về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2020.

- Nguồn ngân sách trung ương: 568.327 triệu đồng (đã bao gồm 113.000 triệu đồng trung ương bổ sung từ nguồn ngân sách dự phòng NSTW năm 2019);

- Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 277.858 triệu đồng (không bao gồm vốn sự nghiệp);

- Nguồn vốn ODA: 256.900 triệu đồng;

- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: 167.270 triệu đồng.

b) Nguồn chuyển nhiệm vụ chi năm 2019 sang năm 2020 là 298.039 triệu đồng (gồm: Nguồn cân đối ngân sách địa phương là 50.199 triệu đồng; Nguồn ngân sách trung ương là 57.754 triệu đồng; Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia là 47.933 triệu đồng; Nguồn vốn ODA là 142.154 triệu đồng).

2. Tình hình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020: Lũy kế đã phân bổ được 2.094.790 triệu đồng, đạt 99,8% dự toán tổng kế hoạch vốn năm 2020; còn lại chưa phân bổ là 3.763 triệu đồng nguồn NSDP vay lại của Chính phủ, chiếm 0,2% (*Nguyên nhân là do các dự án ODA có cấu phần vốn vay về cho vay lại đã hết hạn mức trung hạn để phân bổ nên không thể phân khai; phân vốn trên được thực hiện theo cơ chế ghi thu ghi chi nên địa phương không phân khai thì không nhận nợ đối với số vốn này*).

3. Tình hình điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020: Để đẩy nhanh tiến độ giải ngân, điều chuyển nguồn vốn đáp ứng nhu cầu thực tế của các dự án, phấn đấu thực hiện mục tiêu giải ngân 100% KH vốn năm 2020; Sau khi được HĐND tỉnh thông qua, UBND tỉnh đã điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN năm 2020:

- Điều chỉnh lần 1 tại Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 18/8/2020, với tổng số tiền 97.831 triệu đồng, trong đó: Nguồn ngân sách trung ương là 56.000 triệu đồng; Nguồn ngân sách địa phương là 41.831 triệu đồng.

- Điều chỉnh lần 2 tại Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 14/10/2020, với tổng số tiền 85.401 triệu đồng thuộc nguồn Ngân sách địa phương.

- Đồng thời, trên cơ sở Quyết định số 1638/QĐ-TTg ngày 23/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2020, UBND tỉnh đã điều chỉnh nguồn vốn ODA là 36.500 triệu đồng, giao thông báo sau 28.166 triệu đồng, giao nguồn Vay về cho vay lại các dự án ODA là 5.265 triệu đồng.

4. Tình hình giải ngân vốn đầu tư công ước đến cuối năm 2020:

Đến ngày 15/11/2020, tổng số giải ngân đã thực hiện là 1.358.474 triệu đồng/2.396.592 triệu đồng tổng kế hoạch vốn, đạt tỉ lệ giải ngân chung đạt 56,7% (gồm: kế hoạch vốn năm 2020 là 1.121.795 triệu đồng, nguồn chuyển nhiệm vụ chi là 236.679 triệu đồng), cụ thể:

a) Kế hoạch giao năm 2020: Đã giải ngân được 1.121.795 triệu đồng/2.098.023 triệu đồng tổng kế hoạch vốn năm 2020, đạt 53,5%, cụ thể:

- Nguồn ngân sách địa phương là 518.151 triệu đồng/828.198 triệu đồng tổng kế hoạch vốn năm 2020, đạt 62,6%;

- Nguồn ngân sách trung ương là 355.953 triệu đồng/568.327 triệu đồng tổng kế hoạch vốn năm 2020, đạt 62,6%;

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 127.027 triệu đồng/277.858 triệu đồng, đạt 45,7% trên tổng kế hoạch vốn năm 2020;

- Nguồn vốn ODA giải ngân là 51.036 triệu đồng/256.900 triệu đồng tổng kế hoạch vốn năm 2020, đạt 19,9%;

- Nguồn vốn TPCP giải ngân là 69.628 triệu đồng/167.270 triệu đồng, đạt 41,6% trên tổng kế hoạch vốn năm 2020.

b) Nguồn chuyên nhiệm vụ chi năm 2019 sang năm 2020: Đã giải ngân được 234.487 triệu đồng/298.039 triệu đồng, đạt 79,4% (gồm: nguồn cân đối ngân sách địa phương là 41.506 triệu đồng/50.199 triệu đồng, đạt 82,7%; nguồn ngân sách trung ương là 46.739 triệu đồng/57.754 triệu đồng, đạt 80,9%; nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia đã giải ngân 43.873 triệu đồng/47.933 triệu đồng, đạt 91,5%; nguồn vốn ODA đã giải ngân 104.561 triệu đồng/142.154 triệu đồng, đạt 73,6%).

5. Một số kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2020:

5.1. Kế hoạch đầu tư công năm 2020 được triển khai chủ động hơn, quyết liệt hơn và kết quả đạt cao hơn so với mọi năm, cụ thể:

- Việc giao kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2020 được triển khai sớm hơn các năm. Ngày 11/12/2019, HĐND tỉnh thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển NSNN năm 2020; cùng ngày, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1987/QĐ-UBND về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển vốn NSNN năm 2020, tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các cấp, các ngành trong công tác chuẩn bị, xây dựng kế hoạch thực hiện và giải ngân vốn.

- Xác định nhiệm vụ đẩy nhanh nguồn vốn đầu tư công là nhiệm vụ trọng tâm, tạo sự thúc đẩy để phát triển kinh tế - xã hội, trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Do đó, kế hoạch đầu tư công năm 2020 được triển khai quyết liệt hơn, được UBND tỉnh, Ban chỉ đạo 562 chỉ đạo cụ thể, do đó các cấp, các ngành, các chủ đầu tư đã ban hành các kế hoạch theo dõi cụ thể để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tất cả các khâu: công tác giải phóng mặt bằng, đấu thầu, thanh toán...

- Trên cơ sở các quy định có liên quan, tình hình theo dõi thực hiện dự án và tiến độ giải ngân toàn tỉnh, UBND tỉnh đã kiên quyết điều chuyển, cắt giảm kế hoạch vốn của các dự án chậm giải ngân hoặc không có khả năng giải ngân, để giao bổ sung cho các dự án có tiến độ thực hiện, giải ngân tốt.

5.2. Bên cạnh các kết quả đạt được, tình hình thực hiện kế hoạch vốn năm 2020 cũng còn một số tồn tại, hạn chế như:

- Một số dự án lớn nhưng gặp vướng mắc trong công tác GPMB, phải thực hiện điều chỉnh giảm vốn để điều chuyển cho các dự án khác hấp thụ vốn tốt, cụ thể đối với một số dự án lớn như:

+ Dự án Hồ chứa nước Nam Xuân, huyện Krông Nô điều chỉnh giảm 25.000 triệu đồng/25.0000 triệu đồng nguồn Ngân sách địa phương;

+ Dự án Hồ chứa nước Đăk N'Ting, tỉnh Đăk Nông điều chỉnh giảm 18.000 triệu đồng/32.000 triệu đồng nguồn Ngân sách địa phương;

+ Dự án kết nối các trục đường khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa điều chỉnh giảm 25.000 triệu đồng/25.000 triệu đồng nguồn Ngân sách địa phương;

+ Dự án Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh Đăk Nông (giai đoạn 1) điều chỉnh giảm 7.415 triệu đồng/10.000 triệu đồng nguồn Ngân sách địa phương;

+ Dự án Hồ Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông (Tiểu dự án đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và các hạng mục còn lại của dự án Hồ Gia Nghĩa) điều chỉnh giảm 50.000 triệu đồng/136.980 triệu đồng.

- Một số dự án đến nay chậm giải ngân như:

+ Dự án Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đăk Nông đến nay chỉ giải ngân được 808 triệu đồng/16.400 triệu đồng;

+ Dự án Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân cơ - Nhân Đạo bố trí 24.000 triệu đồng nguồn Ngân sách trung ương; nhưng đến nay chưa giải ngân;

+ Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn ngân hàng thế giới (WB) được bố trí 51.825 triệu đồng nguồn ODA nhưng vẫn chưa giải ngân.

5.2. Một số nguyên nhân chủ yếu:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Từ đầu năm, một số dự án đã có chủ trương điều chỉnh dự án để tăng hiệu quả đầu tư, nhưng gặp vướng mắc khi triển khai điều chỉnh theo Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ, làm chậm phê duyệt điều chỉnh, chậm được giao kế hoạch vốn. Đến ngày 17/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, do vậy làm chậm quá trình triển khai đầu tư dự án;

- Thời tiết đặc thù của vùng Tây Nguyên và tỉnh Đăk Nông, đặc biệt trong năm 2020, thời tiết diễn biến phức tạp, mưa lớn kéo dài...gây ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, nhất là các dự án giao thông, thủy lợi. Đối với các công trình khởi công mới, kế hoạch vốn được giao từ đầu năm, tuy nhiên quá trình chuẩn bị hồ sơ, đấu thầu xong để thi công, thì đến thời điểm mùa mưa (kéo dài từ khoảng tháng 4- tháng 10 hàng năm);

- Một số dự án ODA giải ngân chậm do một số nguyên nhân sau:

+ Một số dự án ODA đã hết hạn mức trung hạn, nhưng vẫn còn nhu cầu đầu tư năm 2020, UBND tỉnh Đắk Nông đã trình trung ương điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 (đợt 1) tại Tờ trình số 1006/TTr-UBND ngày 10/3/2020 và (đợt 2) tại Công văn số 4151/TTr-UBND ngày 13/8/2020. Tuy nhiên, đến ngày 23/10/2020, trung ương mới ban hành Quyết định số 1638/QĐ-TTg về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 và điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương năm 2020, do đó làm chậm điều chỉnh, giao vốn để thực hiện các dự án;

+ Dự án Hỗ trợ phát triển Khu vực biên giới tỉnh Đắk Nông giải ngân chậm do: Dự án được ký Hiệp định vay năm 2016 nhưng đến năm 2019 mới được trung ương bổ sung vào kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020;

+ Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững (VnSAT): Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án VnSAT tại Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 03/6/2020, do đó dẫn đến công tác triển khai các tiểu dự án tại Đắk Nông bị chậm tiến độ;

- Ngoài ra, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, phải thực hiện giãn cách xã hội nên một số công trình phải dừng thi công, các nguồn thu trong giai đoạn giãn cách xã hội này đạt thấp (nguồn thu sử dụng đất và nguồn thu xổ số kiến thiết) nên không đảm bảo nhập nguồn cho các dự án thực hiện theo tiến độ.

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Một số chủ đầu tư chưa thực hiện nghiêm các quy định, các chỉ đạo của cấp thẩm quyền, do đó còn tình trạng chậm triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn, dẫn đến phải điều chỉnh kế hoạch nhiều lần; trách nhiệm của người đứng đầu chưa cao;

- Năng lực của một số Ban quản lý dự án, nhà thầu còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu;

- Phần lớn các dự án chậm giải ngân liên quan đến công tác giải phóng mặt bằng, tuy đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc, tổ chức làm việc nhiều lần để tháo gỡ khó khăn vướng mắc nhưng kết quả thực hiện vẫn còn rất chậm.

- Công tác tuyên truyền đến người dân về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng chưa đầy đủ, thiếu minh bạch; chưa tạo đồng thuận trong nhân dân, còn tình trạng khiếu kiện, khiếu nại về chính sách đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Còn tình trạng thiếu quyết liệt xử lý đối với các trường hợp lợi dụng các chính sách của nhà nước, chây ì, cố tình vi phạm chính sách pháp luật của nhà nước. Quá trình xử lý vướng mắc giải phóng mặt bằng, các cơ quan còn tâm lý e ngại, sợ trách nhiệm, sợ va chạm nên kết quả xử lý chưa cao, kéo dài, dẫn đến chậm tiến độ triển khai dự án và buộc phải điều chuyển vốn.

Phần thứ II

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định một trong ba đột phá chiến lược là “Xây dựng kết cấu hạ tầng, trọng tâm là hạ tầng giao thông, ưu tiên đầu tư xây dựng, mở rộng hạ tầng giao thông trọng điểm nội tỉnh, kết nối các điểm du lịch và hạ tầng trung tâm đô thị...”. Như vậy, ngoài các nhiệm vụ hằng năm, kế hoạch đầu tư công năm 2021 còn nhiệm vụ định hướng trọng tâm là tạo đột phá về kết cấu hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ngay từ năm đầu tiên của giai đoạn 2021-2025 như Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra.

I. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021:

Bám sát các quy định, hướng dẫn của trung ương, việc phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2021 phải đảm bảo các nguyên tắc sau:

a) Nguyên tắc chung:

- Kế hoạch đầu tư công năm 2021 là nguồn lực quan trọng thực hiện các Nghị quyết, kế hoạch phát triển giai đoạn và năm 2021 của trung ương và địa phương, cụ thể là: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2021-2025; Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2021 của HĐND tỉnh.

- Triển khai thực hiện các quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn luật liên quan; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 29/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021.

- Việc phân bổ vốn phải thực hiện đúng theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025. Đồng thời, tuân thủ theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

- Kế hoạch đầu tư công năm 2021 phải được xây dựng trên cơ sở tiếp tục cơ cấu lại đầu tư nguồn ngân sách nhà nước theo hướng tập trung, khắc phục dàn trải, nâng cao hiệu quả đầu tư. Cụ thể là triển khai thực hiện nghiêm các quy

định của Luật Đầu tư công năm 2019, nâng cao hiệu lực, hiệu quả đầu tư công, từ khâu quyết định chủ trương đầu tư, đến phân bổ vốn theo các thứ tự ưu tiên theo quy định, trong đó ưu tiên thanh toán dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản, tập trung nguồn vốn để hoàn thành dự án, phát huy hiệu quả đầu tư.

b) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ cụ thể kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước cho các cơ quan và địa phương: Việc phân bổ vốn phải đảm bảo theo các thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có);

- Bố trí vốn để thu hồi số vốn ứng trước, thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025;

- Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo tiến độ được phê duyệt;

- Bố trí đủ vốn ngân sách nhà nước năm 2021 cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2021 để phát huy hiệu quả đầu tư; các dự án bố trí vốn quá thời gian quy định của giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 phải tập trung bố trí vốn hoàn thành trong năm 2021, hạn chế tối đa việc báo cáo Thủ tướng Chính phủ, HĐND kéo dài thời gian bố trí vốn cho các dự án này;

- Bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 theo tiến độ nhưng đảm bảo thời gian bố trí vốn của dự án theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 52 của Luật Đầu tư công (dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm và nhóm C không quá 03 năm);

- Sau khi bố trí đủ vốn cho các nhiệm vụ nêu trên, mới bố trí vốn cho các dự án khởi công mới, trong đó: Đối với ngân sách trung ương hỗ trợ có mục tiêu, ưu tiên khởi công mới các dự án được Thủ tướng Chính phủ giao Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 mà chưa được bố trí vốn hàng năm để thực hiện; Đối với ngân sách địa phương: Đầu tư các dự án đã được HĐND tỉnh quyết nghị chủ trương đầu tư tại Kỳ họp chuyên đề ngày 22/9/2020, phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn năm 2021 và dự kiến nguồn vốn NSDP trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Đồng thời, năm 2021 là năm bắt đầu thực hiện quy định giải ngân 1 năm theo Luật Đầu tư công 2019 (chỉ được giải ngân KH vốn năm 2021 đến 31/01/2022), cũng là năm đầu tiên thực hiện khoản 4, Điều 44 Nghị định 40/2020/NĐ-CP⁶; do đó phải bố trí vốn sát với khả năng thực hiện và giải ngân

⁶ Người đứng đầu bộ, cơ quan trung ương, địa phương chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công hằng năm, bảo đảm giải ngân hết kế hoạch vốn được giao theo quy định của Luật Đầu tư công.

Trường hợp đến ngày 31 tháng 01 năm sau năm kế hoạch, bộ, cơ quan trung ương và địa phương không giải ngân hết kế hoạch đầu tư công được giao hằng năm, không có các trường hợp bất khả kháng được phép kéo dài thời gian thực hiện và

của dự án, hạn chế việc điều chuyển, cắt giảm. Tuyệt đối không để kết dư, chuyển nhiệm vụ chi và trung ương cắt giảm kế hoạch vốn.

II. Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021:

1. Tổng nguồn kế hoạch đầu tư công năm 2021:

Căn cứ Công văn số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021, dự kiến nguồn vốn đầu tư của tỉnh là 1.966.833 triệu đồng⁽⁷⁾, giảm 5% so với năm 2020, cụ thể như sau:

- Dự kiến nguồn vốn ngân sách trung ương vốn trong nước: 665.990 triệu đồng, giảm 26% so với KH năm 2020;

- Dự kiến nguồn vốn ngân sách trung ương vốn ODA: 336.213 triệu đồng, tăng 31% so với KH năm 2020;

- Dự kiến nguồn vốn ngân sách địa phương: 944.630 triệu đồng, tăng 5% so với KH năm 2020, trong đó:

+ Nguồn cân đối ngân sách địa phương là 461.430 triệu đồng, giảm 14% so với KH năm 2020;

+ Nguồn thu từ sử dụng đất 375.000 triệu đồng, tăng 22% so với năm 2020;

+ Nguồn xổ số kiến thiết 23.000 triệu đồng, bằng KH năm 2020;

+ Nguồn bội chi ngân sách địa phương 105.200 triệu đồng, tăng 215% so với kế hoạch năm 2020;

- Riêng nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia: Hiện nay Quốc hội mới phê duyệt chủ trương đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Thủ tướng Chính phủ chưa ban hành quyết định đầu tư chương trình). Còn lại 02 chương trình mục tiêu quốc gia: Xây dựng nông thôn mới và Giảm nghèo và an sinh xã hội hiện nay Chính phủ đang hoàn thiện thủ tục để trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư. Do vậy, trung ương chưa thông báo nguồn vốn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2021. Trong trường hợp, năm 2021, trung ương thông báo nguồn vốn thực hiện, UBND tỉnh báo cáo HĐND tỉnh phân bổ nguồn vốn thực hiện theo quy định.

(Chi tiết như Phụ lục I đính kèm)

2. Kế hoạch đầu tư công năm 2021 nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước):

giải ngân theo quy định tại Nghị định này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cắt giảm kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách trung ương của bộ, cơ quan trung ương và địa phương tương ứng với số vốn không giải ngân hết, không được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân và bị hủy dự toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

⁷ Bao gồm: 1.966.833 triệu đồng vốn thông báo BKHĐT và 20 tỷ đồng NSĐP cân đối bổ sung đầu tư.

Đến nay, trung ương chưa thông báo số vốn dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025; do đó, đối với nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2021 tập trung bố trí vốn xử lý dứt điểm các nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020 chưa được bố trí đủ vốn. Dự kiến phương án phân bổ 665.990 triệu đồng, theo thứ tự ưu tiên:

a) Phân bổ 169.349 triệu đồng cho 07 dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020, đạt tỉ lệ bố trí vốn lũy kế từ 85-90%.

b) Phân bổ 65.000 triệu đồng cho 04 dự án dự kiến hoàn thành vào năm 2021, đảm bảo nguồn vốn để hoàn thành dự án trong năm.

c) Phân bổ 331.000 triệu đồng cho 12 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021, phân bổ đảm bảo theo tiến độ triển khai dự án.

d) Phần còn lại là 100.641 triệu đồng dự kiến bố trí vốn khởi công mới:

- Phân bổ 6 tỷ đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông thuộc danh mục các dự án NSTW đầu tư cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, có tính chất lan tỏa.

- Bố chí cho các dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2020 nhưng chưa được bố trí vốn trong kế hoạch hàng năm (gồm 08 dự án), cụ thể như sau:

+ Về lĩnh vực giao thông: Dự kiến bố trí cho các dự án: Đường Bờ Tây Hồ Trung tâm; Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút; Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và Đắk N'drug với tổng số vốn là 66,641 tỷ đồng.

+ Về lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi: Dự kiến bố trí cho dự án Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk Lao với số vốn 18 tỷ đồng.

+ Về lĩnh vực xã hội: Dự kiến bố trí vốn cho dự án Trụ sở bảo trợ xã hội của tỉnh với số vốn 10 tỷ đồng.

+ Còn lại 03 dự án tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và khởi công mới sau năm 2021, gồm: Dự án Đường Bờ Đông Hồ trung tâm, hiện khu vực bờ Đông Hồ trung tâm có rất ít dân cư sinh sống nên việc đầu tư dự án hiện chưa cấp thiết. Dự án Kết nối các Trục đường Khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa hiện đang còn gặp vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, còn tình trạng hộ dân không đồng ý cho tiến hành đo đạc, không phối hợp cung cấp ranh giới khu đất, do đó công tác GPMB dự kiến mất nhiều thời gian, không đảm bảo khởi công dự án trong năm 2021. Dự án Trụ sở HĐND-UBND huyện Đắk R'lấp, hiện nay UBND huyện Đắk R'lấp đang đánh giá, điều chỉnh vị trí đầu tư dự án.

(Chi tiết như Phụ lục II đính kèm)

3. Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ODA năm 2021:

Phân bổ 336.213 triệu đồng, đảm bảo theo Hiệp định đã ký kết và tiến độ triển khai của các dự án, như sau:

- Vốn nước ngoài không theo cơ chế tài chính trong nước: 316.213 triệu đồng, phân bổ như sau: 296.213 triệu đồng cho 04 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021; 20 tỷ đồng để khởi công mới 02 dự án trong năm 2021.

- Vốn nước ngoài theo cơ chế tài chính trong nước: 20 tỷ đồng phân bổ cho dự án dự kiến khởi công mới năm 2021.

(Chi tiết theo Phụ lục III đính kèm)

4. Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương 2021:

4.1. Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025:

Để có cơ sở HĐND tỉnh quyết nghị kế hoạch đầu tư công năm 2021, UBND tỉnh báo cáo dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 5.418.000 triệu đồng (cấp tỉnh bố trí cho các dự án đầu tư 2.400.000 triệu đồng), trong đó:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được tính tăng bình quân hàng năm 6% (theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025); trong đó nguồn cân đối NSDP dự kiến năm 2021 là 441.430 triệu đồng (theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 được tính tăng bình quân hàng năm 10%, dự kiến năm 2021 là 375.000 triệu đồng (cấp tỉnh 130.000 triệu đồng, cấp huyện 245.000 triệu đồng).

- Nguồn xổ số kiến thiết giai đoạn 2021-2025 dự kiến không tăng, dự kiến năm 2021 là 23.000 triệu đồng.

- Nguồn bội chi ngân sách địa phương (vay lại của Chính phủ để bố trí cho các dự án ODA theo quy định): dự kiến năm 2021 là 105.200 triệu đồng, dự kiến không tăng trong giai đoạn 2021-2025.

Chưa tính nguồn vốn bổ sung cho đầu tư công từ ngân sách địa phương 250.000 triệu đồng trong giai đoạn 2021-2025, bằng mức bổ sung cho đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020.

4.2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn ngân sách địa phương:

Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương dự kiến năm 2021 (theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020) là 944.630 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn thu sử dụng đất:	375.000 triệu đồng.
- Nguồn xổ số kiến thiết:	23.000 triệu đồng.
- Nguồn cân đối NSDP:	441.430 triệu đồng.
- Nguồn vay lại của Chính phủ:	105.200 triệu đồng.

Trên cơ sở dự kiến tổng nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tại mục 4.1 nêu trên và thông báo vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh báo cáo phương án phân bổ kế hoạch vốn năm 2021 như sau:

a) Nguồn thu sử dụng đất: 375.000 triệu đồng (dự kiến cấp tỉnh 130.000 triệu đồng, cấp huyện 245.000 triệu đồng); sau khi trích lập đo đạc bản đồ cấp tỉnh 13.000 triệu đồng (10% nguồn thu cấp tỉnh); phân cấp cho cấp huyện 196.000 triệu đồng (80% nguồn thu cấp huyện); trích lập quỹ phát triển đất cấp tỉnh 75.000 triệu đồng (20% tổng nguồn thu sử dụng đất); còn lại 91.000 triệu đồng để chi đầu tư cấp tỉnh, phân bổ như sau.

- Bố trí cho các dự án hoàn thành trong năm 2021: 13.500 triệu đồng.
- Bố trí thanh toán cho các dự án đã hoàn thành: 7.468 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án hoàn thành sau năm 2021: 10.000 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án KCM năm 2021: 60.032 triệu đồng (bao gồm 02 dự án có tổng mức đầu tư 434.500 triệu đồng, bằng 13,81% tổng mức đầu tư).

b) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 23.000 triệu đồng. Sau khi trích 2.300 triệu đồng đầu tư CTMTQG (10% nguồn thu xổ số kiến thiết), còn lại 20.700 triệu đồng để chi đầu tư cấp tỉnh, bố trí cho các dự án KCM năm 2021 (gồm 04 dự án lĩnh vực giáo dục, y tế có tổng mức đầu tư 61.500 triệu đồng, bằng khoảng 33,66% tổng mức đầu tư)

c) Nguồn cân đối NSDP: 441.430 triệu đồng; sau khi phân cấp cho cấp huyện 132.429 triệu đồng (30% theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh); còn lại 309.001 triệu đồng để chi đầu tư cấp tỉnh.

Ngoài ra, nguồn bổ sung cho đầu tư từ ngân sách địa phương năm 2021 là 20.000 triệu đồng. Như vậy, tổng nguồn vốn cấp tỉnh bố trí cho các dự án đầu tư là 329.001 triệu đồng. Phương án phân bổ như sau:

- Bố trí thanh toán cho các dự án đã hoàn thành: 3.263 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án hoàn thành trong năm 2021: 13.500 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án hoàn thành sau năm 2021: 29.000 triệu đồng.
- Bố trí đối ứng cho các dự án sử dụng NSTW: 18.000 triệu đồng.
- Bố trí đối ứng cho các dự án ODA: 8.000 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án KCM năm 2021: 258.328 triệu đồng (bao gồm 48 dự án có tổng mức đầu tư 965.500 triệu đồng, bằng khoảng 29% tổng mức đầu tư).

- Bố trí chuẩn bị đầu tư cho các dự án: 11.186 triệu đồng.

d) Nguồn vay lại của Chính phủ: 105.200 triệu đồng, phân bổ cho từng dự án tương ứng với mức vốn ODA do ngân sách trung ương cấp phát theo quy định.

Như vậy, tổng nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2021 (không bao gồm nguồn vay lại của Chính phủ) để chi đầu tư cấp tỉnh là 440.701 triệu đồng (91.000 triệu đồng + 20.700 triệu đồng + 329.001 triệu đồng).

(Chi tiết theo Phụ lục IV đính kèm)

III. Giải pháp điều hành, tổ chức thực hiện và dự kiến kết quả:

1. Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn Luật, các văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành trung ương, Tỉnh ủy. Phấn đấu giải ngân 100% vốn kế hoạch năm 2021.

2. Các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện phân công lãnh đạo chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện từng dự án, lập kế hoạch giải ngân đến từng dự án, đơn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho từng dự án. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị với kết quả giải ngân, coi đây là căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2021.

3. Tăng cường công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành và các địa phương. Tổ chức thực hiện tốt các khâu trong quá trình triển khai kế hoạch năm 2021:

- Các khâu chuẩn bị đầu tư cần chú trọng cần tăng cường các biện pháp khắc phục ngay tình trạng chuẩn bị sơ sài gây lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả trong quá trình triển khai thực hiện.

- Thực hiện hiệu quả công tác giải phóng mặt bằng. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có vướng mắc về giải phóng mặt bằng trực tiếp kiểm tra, bám sát hiện trường, vận động người dân chấp hành các quy định của pháp luật.

- Theo dõi, đơn đốc (chủ đầu tư, ban quản lý dự án, nhà thầu) đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư đã bố trí cho các dự án. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong triển khai kế hoạch đầu tư công, thực hiện dự án.

- Chú trọng công tác theo dõi, đánh giá thực hiện kế hoạch đầu tư công. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công định kỳ hoặc đột xuất theo chế độ báo cáo quy định; đánh giá kết quả thực hiện, những tồn tại, hạn chế và đề xuất kiến nghị các cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc.

4. Chủ động điều chỉnh hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư hàng năm để thúc đẩy giải ngân và nâng cao hiệu quả đầu tư. cụ thể thời gian thực hiện công giải ngân năm 2021:

- Đối với các dự án đã quyết toán hoàn thành, đến ngày 30/6/2021 không giải ngân hết kế hoạch vốn được bố trí để tất toán công trình, điều chuyển vốn cho các dự án khác có nhu cầu, các năm tiếp theo không bố trí vốn để chi trả cho các dự án này; chủ đầu tư tự cân đối nguồn vốn để thanh toán nợ và chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền.

- Cắt giảm kế hoạch vốn năm 2021 của các dự án triển khai thực hiện chậm tiến độ, chậm giải ngân vốn theo nguyên tắc: Đối với các dự án khởi công mới nếu đến hết tháng 9/2021 tỷ lệ giải ngân dưới 50% kế hoạch thì cắt giảm vốn để bổ sung cho các dự án khác; Đối với dự án chuyển tiếp đến hết tháng 6/2021 tỷ lệ giải ngân dưới 50% kế hoạch thì cắt giảm vốn để bổ sung cho các dự án khác.

- Đối với các dự án có vốn chuyển nhiệm vụ chi năm 2020 sang năm 2021, yêu cầu các chủ đầu tư tập trung giải ngân hết nguồn vốn này trong năm 2021, tránh để kết dư ngân sách, gây lãng phí nguồn vốn; Trường hợp để kết dư ngân sách phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

5. Nâng cao chất lượng công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, bảo đảm lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án theo đúng tiến độ quy định.

6. Tổ chức thực hiện, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, quy hoạch phát triển đô thị, làm căn cứ xây dựng các chương trình và kế hoạch đầu tư trung và dài hạn.

7. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát, đánh giá, kiểm tra, thanh tra trong quá trình đầu tư công; chống tham nhũng, thất thoát lãng phí trong đầu tư công. Trong đó, đặc biệt đề cao vai trò tham gia giám sát của cộng đồng dân cư trong vùng ảnh hưởng của dự án, nâng cao trách nhiệm giải trình của chủ đầu tư và các bên liên quan đến dự án. Xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với hiệu quả kinh tế - xã hội của các dự án đầu tư. Xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật, tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong đầu tư công.

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Trung

Phụ lục I

ƯỚC TÍNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 CỦA ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 674 /BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Năm 2020			Dự kiến kế hoạch năm 2021	Ghi chú
		Kế hoạch	Giai ngân từ 1/1/2020 đến 15/11/2020	Ước giải ngân từ 1/1/2020 đến 31/12/2020		
1	2	3	4	5	8	9=8/3
	TỔNG SỐ	2.073.053	1.085.291	1.866.868	1.966.833	95%
1	Vốn NSNN					
	<i>Trong đó:</i>					
a)	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	915.698	518.151	820.110	964.630	105%
	<i>Trong đó:</i>					
-	Nguồn cân đối NSDP	536.498	407.856	509.673	461.430	86%
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	307.300	101.203	243.300	375.000	122%
	<i>Trong đó:</i>					
	+ Phân bổ vốn theo dự án	88.900	24.003	88.900	91.000	102%
	+ Vốn điều lệ quỹ hỗ trợ phát triển sử dụng đất	64.000		64.000	75.000	117%
-	Xô số kiến thiết	23.000	5.741	22.000	23.000	100%
-	Bội chi ngân sách địa phương	48.900	3.351	45.137	105.200	215%
	<i>Trong đó: Vốn trái phiếu chính quyền địa phương</i>					
b)	Vốn ngân sách trung ương	1.157.355	567.140	1.046.758	1.002.203	87%
-	Vốn trong nước	900.455	516.104	810.410	665.990	74%
	<i>Trong đó:</i>					
	+ Vốn thực hiện CT MTQG	277.858	127.027	277.858		0%
-	Vốn nước ngoài	256.900	51.036	236.348	336.213	131%
2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật					



Phụ lục II
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 674 /BC-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Dự kiến kế hoạch 2021				Ghi chú		
								TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Trong đó: NSTW			Ghi chú	
														Thu hồi các khoản vốn ết trước	Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản vốn ết trước	Thanh toán nợ XDCB			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
TỔNG CỘNG																				
A NGUỒN NSTW HỖ TRỢ																				
I Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020																				
I.1 Quốc phòng																				
1.1.1	Đường Giao thông từ Đồn biên phòng 765 đi thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song.	7542807	292	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2016-2020	458/QĐ-UBND 25/3/2016	81.000	81.000	62.800	62.800	9.200	9.200	0	0	9.000	9.000	0	0	
1.2	Giáo dục							867.000	320.000	288.164	288.164	31.836	31.836	0	0	30.000	30.000	0	0	
1.2.1	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 1)	7281576	292	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Đắk R'Lấp - Gia Nghĩa	2015-2020	1147/QĐ-UBND, 307/2015; 2076/QĐ-UBND, 22/12/2015; 858/QĐ-UBND 24/5/2017; 2064/QĐ-UBND 28/12/2017	867.000	320.000	288.164	288.164	31.836	31.836	0	0	30.000	30.000	0	0	
1.3	Công nghiệp							104.650	91.000	80.000	80.000	11.000	11.000	0	0	11.000	11.000	0	0	
1.3.1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014-2020	7487081	302	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Toàn tỉnh	2015-2020	1643/QĐ-UBND, 31/10/2014; 1054/QĐ-UBND 22/7/2020	104.650	91.000	80.000	80.000	11.000	11.000	0	0	11.000	11.000	0	0	
1.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế							1.658.088	1.540.088	750.000	750.000	125.000	125.000	0	0	62.666	62.666	0	0	
1.4.1	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ	7467977	292	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Đắk R'Lấp	2016-2020	1420/QĐ-UBND, 21/9/2015	1.658.088	1.540.088	750.000	750.000	125.000	125.000	0	0	62.666	62.666	0	0	Hoàn ứng NSDP 22,666 tỷ đồng
1.5	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							840.728	755.728	683.782	683.782	56.683	56.683	0	0	56.683	56.683	0	0	
1.5.1	Hồ Gia Nghĩa	7654939	283	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	TP. Gia Nghĩa	2018-2022	1682/QĐ-UBND 19/10/2017; 404/QĐ-UBND 26/3/2018; 870/QĐ-UBND 08/6/2018; 1294/QĐ-UBND 24/8/2018	785.000	700.000	650.000	650.000	50.000	50.000	0	0	50.000	50.000	0	0	
1.5.2	Chương trình Bảo vệ và Phát triển rừng		282	Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	Toàn tỉnh	2016-2020	1898/QĐ-UBND 05/12/2011; 1897/QĐ-UBND 05/7/2011; 1116/QĐ-UBND 13/9/2011	20.474	20.474	15.782	15.782	1.683	1.683	0	0	1.683	1.683	0	0	
1.5.3	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván MDF và veneer gỗ	7582533	405	Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF BISON	Đắk Song	2016-2020	1380/QĐ-UBND 13/8/2016	35.254	35.254	18.000	18.000	5.000	5.000	0	0	5.000	5.000	0	0	

TT	Đanh mục dự án	Mã ngành kinh tế	Mã dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế bổ trí vốn đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2021				Chú chú	
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thu hồi các khoản vốn ứng trước
II	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021							538.968	446.468	281.804	159.777	50.000	0	65.000	0	0	0			
2.1	<i>Giáo dục</i>							250.468	190.468	138.804	32.777	0	0	28.000	0	0	0			
2.1.1	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	292	7559717	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức		2018-2022		170.000	110.000	79.993	19.457			15.000						
2.1.2	Đường giao thông về xã Buôn Choanh, huyện Krông Nô	292	7556410	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Krông Nô		2018-2022		80.468	80.468	58.811	13.320			13.000						
2.2	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thú sản</i>							288.500	256.000	143.000	127.000	50.000	0	37.000	0	0	0			
2.2.1	Công trình thủy lợi suối đá xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glông	283	7635261	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Đắk Glông	2018-2022		90.000	90.000	25.000	56.000	50.000		6.000						
2.2.2	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống hạn hán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	283	7609760	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Toàn tỉnh	2018-2022		198.500	166.000	118.000	71.000			31.000						
III	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i>							1.697.419	1.038.308	505.260	497.630	0	0	331.000	0	0	0			
3.1	<i>Giáo dục</i>							993.719	488.908	206.310	245.983	0	0	161.000	0	0	0			
3.1.1	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn - Cư K'Nia - Đắk Đông - Nam Dong	292	7558664	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jut	Cư Jut	2019-2023		90.000	90.000	37.500	42.865			35.000						
3.1.2	Các trục đường khu trung tâm Hành chính huyện Đắk Glông	292	7559352	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Glông	Đắk Glông	2019-2023		85.077	83.077	44.760	27.827			20.000						
3.1.3	Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân cơ - Nhân Đạo	292	7614023	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2019-2023		85.005	85.005	41.000	35.236			25.000						

2

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chức danh tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2021			Ghi chú						
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thu hồi các khoản vốn ứng trước
3.1.4	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil	7654941	292	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2019-2023	1721/QĐ-UBND 31/10/2017	81.830	81.830	39.500	39.500	34.609	34.609	24.000	24.000			Đã trừ dự phòng phí 7.721 triệu đồng để tiết kiệm chi theo NQ 89/NQ-CP ngày 10/10/2016					
3.1.5	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	7542809	292	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2019-2023	1749/QĐ-UBND 31/10/2017	93.833	85.000	43.550	43.550	41.450	41.450	25.000	25.000								
3.1.6	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	7557066	292	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông		2019-2023	1288/QĐ-UBND 26/7/2016	559.974	63.996	63.996	63.996	63.996	63.996	32.000	32.000			hoàn ứng NSDP 12 tỷ đồng					
3.2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							503.700	354.800	181.700	181.700	187.587	187.587	118.000	118.000	0	0						
3.2.1	Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức giai đoạn 2	7663298	428	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển thôn thôn tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2018-2022	1716/QĐ-UBND 1257/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	300.000	201.600	80.000	80.000	121.600	121.600	80.000	80.000								
3.2.2	Dự án Cấp bách sắp xếp, ổn định dân cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	7665019	428	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2018-2022	1717/QĐ-UBND 31/10/2017; 689/QĐ-UBND 09/05/2018; 1461/QĐ-UBND 17/9/2018; 1257/QĐ-UBND 24/8/2020	182.000	131.500	90.000	90.000	55.987	55.987	30.000	30.000								
3.2.3	Dự án Kế chống sụt lún sông Đắk Nang thôn Phú Tân xã Đắk Nang huyện Krông Nô	7847565	283	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông	Krông Nô	2020-2022	1155/QĐ-UBND 05/8/2020	21.700	21.700	11.700	11.700	10.000	10.000	8.000	8.000								
3.3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							110.000	110.000	84.210	84.210	12.500	12.500	5.000	5.000	0	0						
3.3.1	Trường Cao đẳng Công đồng tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 1)	7122739	093	Ban quản lý dự án, giao thông, dân dựng, công nghiệp	Gia Nghĩa	2015-2022	1721/QĐ-UBND 30/10/2013; 463/QĐ-UBND 28/3/2016; 1439/QĐ-UBND 01/9/2017	110.000	110.000	84.210	84.210	12.500	12.500	5.000	5.000								
3.4	Y tế, dân số và gia đình							45.000	39.600	17.040	17.040	22.560	22.560	20.000	20.000	0	0						
3.4.1	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh	7661109	139	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2019-2023	1715/QĐ-UBND 30/10/2017	45.000	39.600	17.040	17.040	22.560	22.560	20.000	20.000								
3.5	Phát thanh, truyền hình, thông tin							45.000	45.000	16.000	16.000	29.000	29.000	27.000	27.000	0	0						
3.5.1	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Đắk Nông	7665500	201	Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2020-2024	82/HĐND-VP 28/3/2017; 1078/QĐ-UBND 30/6/2017	45.000	45.000	16.000	16.000	29.000	29.000	27.000	27.000			Chưa bao gồm 6 tỷ đồng cho chuẩn bị đầu tư nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông					
IV	Khởi công mới							496.054	418.000	9.000	9.000	377.940	377.940	100.641	100.641	0	0						
4.1	Giao thông							370.054	292.000	6.000	6.000	265.898	265.898	66.641	66.641	0	0						

0

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2021				Ghi chú						
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: NSTW	Tổng số	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
4.1.1	Dự án đường Bờ Tây Hồ Trung tâm	7624255	292	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2020-2024	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	198.054	120.000	2.000	2.000	118.000		29.641	29.641										
4.1.2	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	7655327	292	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2020-2024	1653/QĐ-UBND 18/10/2018	90.000	90.000	2.000	2.000	77.342		19.000	19.000										
4.1.3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'đrưng	7656296	292	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2020-2024	1801a/QĐ-UBND 31/10/2019	82.000	82.000	2.000	2.000	70.556		18.000	18.000										
4.2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							81.000	81.000	2.000	2.000	71.683		18.000	18.000					0					
4.2.1	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk lao	7654958	283	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk M'ni	Đắk M'ni	2020-2024	1750/QĐ-UBND 31/10/2017	81.000	81.000	2.000	2.000	71.683		18.000	18.000										
4.3	Xã hội							45.000	45.000	1.000	1.000	40.359		10.000	10.000					0					
4.3.1	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	7155335	398	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2022	85/HĐND-VP 28/3/2017, 249/QĐ-UBND 26/02/2019	45.000	45.000	1.000	1.000	40.359		10.000	10.000										
4.4	Dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, có tính chất lan tỏa													6.000	6.000										
4.4.1	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông			Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa									6.000	6.000					Bố trí kinh phí chuẩn bị đầu tư					

9

Phụ lục III
TỈNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) NĂM 2020
VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số 674 /BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Thời gian KK-IIT	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Lấy kế hoạch từ thời điểm năm 2020				Dự kiến KKH đầu tư trong hạn gọi thầu 2021-2025		Dự kiến KKH năm 2021					
								TMĐT					Vốn đầu tư					Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)					Tổng số	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn nước ngoài			
								Tổng số (đt các nguồn vốn)	Vốn đầu tư		Vốn nước ngoài (theo IIFP-đánh)		Tổng số	Vốn đầu tư		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Cấp phát từ NSTW	Cho vay lại					Tổng số	Vốn nước ngoài	Tổng số
									NSTW	NSDP	Các nguồn khác (tư nhân, dân, đồng góp)	Tỉnh bằng nguyên tệ		Tổng số	Đón vào tín đối NSTW	Vay lại	NSTW						NSDP	Các nguồn vốn khác	Tổng số	Cấp phát từ NSTW			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	28	29	30	31	32
	TỔNG SỐ							2.569.358	633.244	261.806	314.737	57.477	82	1.936.104	1.561.535	238.814	784.547	209.294	84.210	111.990	13.196	495.251	438.173	57.078	1.257.531	1.257.531	336.213	336.213	
A	VỐN NƯỚC NGOÀI KHÔNG GIẢI NHẬN THEO CƠ CHẾ TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC							2.407.587	618.018	261.030	299.511	57.477	75	1.789.549	1.561.535	228.014	784.547	209.296	84.210	111.990	13.196	495.251	438.173	57.078	1.145.648	1.145.648	316.213	316.213	
I	Đánh mục dự án chuẩn tiếp nhận thành từ năm 2021							1.327.885	338.997	63.996	109.524	57.477	47	1.056.888	951.110	145.778	567.537	77.286	64.090	64.090	13.196	496.251	434.173	56.078	539.223	539.223	296.213	296.213	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							557.220	133.116		75.639	57.477	17	424.104	393.060	31.044	302.223	36.341	36.341		265.882	240.666	25.216	184.916	184.916	120.000	120.000		
1.1	Dự án chuyển đổi công nghiệp bền vững tại Việt Nam (Dự án VISA), tỉnh Đắk Nông	754404	Sở Nông nghiệp & Phát triển NT	WB	09/07/2015	2015-2022	1992/QĐ-BNN-ITQT ngày 04/09/2015; 2470/QĐ-BNN-ITQT	337.590	110.447		51.970	57.477	7,3	217.143	217.143		113.280,0	15.780,0	15.780,0		97.500,0	97.500,0		128.836	128.836	80.000	80.000		
1.2	Dự án Sisa châu và Nắng cao an toàn (đp) (WB), tỉnh Đắk Nông	7593791	Sở Nông nghiệp & Phát triển NT	WB	08/04/2016	2016-2022	461/QĐ-BNN-ITQT ngày 09/11/2015; 873/QĐ-UBND ngày 6/6/2018	225.630	22.669		22.669		9,7	206.961	175.917	31.044	188.943,0	20.561,0	20.561,0		168.382,0	143.166,0	25.216,0	56.080	56.080	40.000	40.000		
2	Cấp nước, thoát nước							201.807	17.895		17.895		8,2	183.922	166.960	16.962	149.235	13.196			13.196	136.040	122.844	13.196	45.880	45.880	26.000	26.000	
2.1	Chương trình mở rộng quy mô và sinh nước sạch nông thôn dựa trên kế quả vốn ngân hàng thế giới, tỉnh Đắk Nông		Sở Nông nghiệp & Phát triển NT (Cơ quan điều phối)	WB	10/9/2016	2016-2022	3666/QĐ-BNN, ngày 04/09/2015; 3103/QĐ-BNN ngày 21/7/2016	201.807	17.885		17.885		8,2	183.922	166.960	16.962	149.236,4	13.196,0	13.196,0		13.196,0	136.040,4	122.844,4	13.196,0	45.880	45.880	26.000	26.000	
3	Giáo dục							568.858	79.996	63.996	16.000		22	488.862	391.090	97.772	116.078	27.749				88.329	78.663	17.666	308.427	308.427	150.213	150.213	
3.1	Dự án hỗ trợ phát triển tiểu vùng biên giới, tỉnh Tây Nguyên (đp) (Phát triển Châu Á)	7557066	Sở Kế hoạch và Đầu tư	ADB	05/04/2017	2017-2023	1388/QĐ-UBND ngày 06/04/2016; 9196/QĐ-UBND ngày 16/6/2017	568.858	79.996	63.996	16.000	0	22,0	488.862	391.090	97.772	116.078,0	27.749,0	27.749,0		88.329,0	78.663,0	17.666,0	308.427	308.427	150.213	150.213		
II	Đánh mục dự án không công mới năm 2021							1.079.682	387.022	189.988		28	692.660	610.425	82.235	137.010	8.500,0	8.500,0		47.900	4.000	5.000	4.000	1.000	606.425	606.425	20.000	20.000	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							516.715	106.539		106.539		4	411.176	328.941	82.235	13.500,0	8.500,0		8.500,0	5.000,0	4.000,0	1.000,0	324.941,2	324.941,2	10.000,0	10.000,0		
1.1	Dự án tăng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vùng ven ADB tỉnh Đắk Nông	7572458 7572454	Ban QLDA ĐTXD các công trình NNA&PTNT	ADB	28/12/2018	2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019	516.715	105.539		105.539		4	411.176	328.941	82.235	13.500,0	8.500,0		8.500,0	5.000,0	4.000,0	1.000,0	324.941,2	324.941,2	10.000,0	10.000,0		
2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							562.967	281.483	197.034	84.449		24	281.484	281.484		123.510	123.510	84.210	39.306		281.484	281.484		281.484	281.484	10.000	10.000	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian K.C.-HT	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Lấy kế hoạch và tổ chức công tác năm 2020				Dự kiến K.H. đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025		Dự kiến K.H. năm 2021		Chú chú				
								TMDT										Trong đó:				Trong đó:		Trong đó:						
								Tổng số (đt các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo I/HP định)			Tổng số (đt các nguồn vốn)	Tổng số	NSTW	NSDP	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Tổng số	Vốn nước ngoài	Tổng số		Vốn nước ngoài			
									Tổng số	NSTW	NSDP	Các nguồn khác (tư nhân, đln đóng góp)	Tỉnh bằng nguyên id	Chy đt ra tiền Việt					Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số	Cấp phát từ NSTW						Cho vay lại		
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	28	29	30	31	32	
2.1	Trương one đing công đing tỉnh Đak Nong	7122739	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	A đip số 01	6/8/2019	2020-2024	1172/QĐ-TTg ngày 28/07/2015; 3000/QĐ-TTg ngày 25/02/2020	562.967	281.483	197.034	84.449	24,3	281.484	281.484	281.484	281.484	123.510,0	123.510,0	84.210,0	39.300,0					281.484	281.484	10.000	10.000		
B	VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÀN THEO CƠ CHẾ TẠI CHỖ TRONG NƯỚC							161.782,9	15.225,5		15.226		7	146.557,4											111.883,0	111.883,0	20.000,0	20.000,0		
I	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021							161.782,9	15.225,5		15.226		7	146.557,4											111.883,0	111.883,0	20.000,0	20.000,0		
I	V.đ																								111.883	111.883	20.000	20.000		
1.1	Chương trình đầu tư phát triển mang tính y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đak Nong		Sở Y tế	ADB	6/8/2019	2019-2025	1467/QĐ-TTg ngày 21/1/2018; 758/QĐ-TTg ngày 19/6/2019; 6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018	161.783	15.226		15.226		7	146.557											111.883	111.883	20.000	20.000		



Phụ lục IV

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2021
 (Kèm theo Báo cáo số 674 /BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bỏ trị vốn đến hết KH năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	TỔNG SỐ						12.887.871	6.972.445	1.220.061	5.438.794	964.630	1.008.616	1.077.941	1.153.075	1.234.533	964.630		Nguồn thu sử dụng đất được tính tăng bình quân mỗi năm 10%, dự kiến năm 2021 là 375.000 triệu đồng (cấp tỉnh 130.000 triệu đồng, cấp huyện 245.000 triệu đồng)
A	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT						10.087.864	5.596.224	1.071.720	2.289.413	375.000	412.500	453.750	499.125	549.038	375.000		20% tổng nguồn thu
-	Trích lập Quỹ phát triển đất (gồm 20% trích lập cấp huyện chuyển về cấp tỉnh và 20% trích lập cấp tỉnh)																	10% nguồn thu cấp tỉnh
-	Trích lập quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh (10% thu cấp tỉnh)																	80% nguồn thu cấp huyện
-	Phân cấp cho cấp huyện																	
-	Đầu tư các dự án cấp tỉnh (70% nguồn thu cấp tỉnh)						10.087.864	5.596.224	1.071.720	2.289.413	375.000	412.500	453.750	499.125	549.038	375.000		
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019						9.038.980	5.007.097	963.914	963.914	7.468	0	0	0	0	7.468		
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Đắk Núi, đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7032763	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa		129.000	129.000	116.218	116.218	77	77	77	77	77	77		
2	Dự án Làng quần nhân Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	7004686	011	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Gia Nghĩa		147.335	146.085	40.962	40.962	3.000	3.000				3.000		
3	Đường nối từ trục N9 (Khu tái định cư Đắk Núi) sang khu đất Làng quần nhân	7004686	011	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Gia Nghĩa		13.202	13.202	11.500	11.500	1.391	1.391				1.391		
4	Đơn vị cơ quan quân sự thị xã Gia Nghĩa	7004686	011	Ban Chỉ huy quân sự thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa		39.649	39.649	26.800	26.800	3.000	3.000				3.000		
2	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2021						614.384	174.627	107.806	107.806	29.000	15.500				13.500		
	Linh vực giữ phòng mặt bằng, hạ tầng đô thị																	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP		Trong đó:	
																			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư cho Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (khu tái định cư B) Công trình, dự án trong điểm	7689237	292	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa	2019-2021	159/QĐ-UBND, ngày 20/01/2019	524.384	84.627	37.806	19.000	8.500	10.500				8.500		Bố trí để hoàn thành dự án	
2	Năng cấp, sửa chữa đường tỉnh lộ 1.	7771423	292	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp			1248/QĐ-UBND 30/7/2019	90.000	90.000	70.000	10.000	5.000	5.000				5.000			
3	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2021 Công trình, dự án trong điểm							185.909	75.909	39.300	25.000	10.000	10.000	5.000			10.000			
1	Trưởng cao đẳng công đồng tỉnh Đắk Nông (giai đoạn I)	7122739	093	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa		1439/QĐ-UBND 01/9/2017	185.909	75.909	39.300	25.000	10.000	10.000	5.000			10.000		Dự kiến đổi ứng với phần vốn ODA (trước khai kế từ ngày ký Hiệp định)	
4	Các dự án khởi công mỗi năm 2021 Lĩnh vực giải phóng mặt bằng, hạ tầng đô thị							434.500	414.500	-	337.587	60.032	52.455	43.100	91.000	91.000	60.032		Năm 2021, công tác chuẩn bị đầu tư, phê duyệt phương án GPMB. Trong giai đoạn 2021-2025, tập trung nguồn vốn SDD để thực hiện dự án. Dự kiến nguồn thu SDD trong giai đoạn tăng cao do đồng loạt triển khai các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa nên đảm bảo nguồn vốn để thực hiện dự án.	
1	Dự án di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa			Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2024		420.000	400.000		325.262	55.707	48.455	39.100	91.000	91.000	55.707			
2	Công viên hoa Thành niên và Khu vui chơi, giải trí thành phố tỉnh Đắk Nông			Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		2021-2023		14.500	14.500		12.325	4.325	4.000	4.000			4.325		Dự án GPMB	
5	Bổ trí cho các dự án KCM sau năm 2021							61.500	61.500		156.509	0	22.145	62.010	30.121	42.233				
B	NGUỒN XỐ SỔ KIẾN THIẾT Thực hiện bổ sung các nhiệm vụ thực hiện CT MTQG Nông thôn mới (10%)							11.500	2.300		115.000	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300		TBS	
	Còn lại đầu tư 90%							61.500	61.500		103.500	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700		Ước tính đầu tư Y tế, GDDT, dạy nghề	
I	Khởi công mỗi năm 2021										19.700	20.700	17.000	0	0	0	19.700		Bố trí đến 90% (phần còn lại chi phí dự phòng và chi trả quyết toán)	
1.1	Nhà Đa khoa KS thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk RLấp			Sở Y tế	Đắk RLấp			34.000	34.000		32.400	10.200	11.200	11.000			10.200			
1.3	Dự án Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường Phổ thông DTNT THCS & THPT huyện Tuy Đức			Sở Giáo dục và Đào tạo	Tuy Đức			10.000	10.000		9.000	3.000	3.000	3.000			3.000			
1.4	Cải tạo cơ sở 2 Trường Cao đẳng Công đồng Đắk Nông			Trường Cao đẳng công đồng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa			7.500	7.500		7.000	3.500	3.500				3.500			
1.5	Trường THPT Đắk Gl.ong (giai đoạn 3)			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Gl.ong	Đắk Gl.ong			10.000	10.000		9.000	3.000	3.000	3.000			3.000			

2

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP		Trong đó: Thành nhân dự án
2	Thông báo sau							1.000	1.000	0	0	3.700	20.700	20.700	1.000		Đối ứng cho dự án Xây dựng mạng lưới y tế (Dự kiến 1 tỷ đồng)	
3	Bổ trợ cho các dự án KCM sau năm 2021							45.100	0	0	0	3.700	20.700	20.700			Nguồn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được tính bằng bình quân hàng năm 6% (theo khoản 2, Điều 8, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ), dự kiến năm 2021 là 441.430 triệu đồng (theo Văn bản số 6842/BKHĐT-TT, ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)	
C NGUỒN CÂN ĐỐI NSDP																		
I	Phân cấp cho cấp huyện (30%)							746.515	132.429	140.375	148.797	157.725	167.189	132.429			Phân bổ theo Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020, theo tỉ lệ:	
1	Huyện Củ Lư							93.422	16.573	17.567	18.621	19.738	20.923	16.573			12,51%	
2	Huyện Krông Nô							81.437	14.450	15.317	16.236	17.210	18.243	14.450			10,91%	
3	Huyện Đắk GLang							111.214	19.729	20.913	22.168	23.498	24.907	19.729			14,90%	
4	Huyện Đắk M'li							90.573	16.067	17.031	18.053	19.136	20.285	16.067			12,13%	
5	Huyện Đắk Song							79.360	14.078	14.923	15.818	16.767	17.773	14.078			10,63%	
6	Huyện Tuy Đức							95.358	16.916	17.931	19.007	20.147	21.356	16.916			12,77%	
7	Huyện Đắk RTáp							90.347	16.063	17.026	18.048	19.131	20.279	16.063			12,13%	
8	Thành phố Gia Nghĩa							104.583	18.553	19.666	20.846	22.096	23.422	18.553			14,02%	
III	Đầu tư cấp tỉnh (70%)							2.800.007	1.376.221	148.341	148.341	347.194	368.025	390.107	306.738			
I	Nguồn bổ sung cho đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương							20.000	20.000									
III	Tổng nguồn vốn do cấp tỉnh bổ trợ cho các dự án							1.748.559	329.001	327.541	347.194	368.025	390.107	329.001				
III.1	Bổ trợ cho các dự án đã hoàn thành, bán giao đưa vào sử dụng							227.847	206.074	88.770	88.770	0	0	0	3.263			Chờ quyết toán
1	Trường bán thao trường huấn luyện Bộ CHQS tỉnh Đắk Nông/Quận Khu 5	7004686	011	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Krông Nô		QP 3706/QĐ-BQP ngày 04/9/2013	93.000	73.000	30.497	30.497	0	0	0	2.000			Bộ từ đề hoàn thành dự án
2	Trụ sở làm việc Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Nông	7367684	463	Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2015-2017	203/QĐ-SKH 31/12/2010; 908/QĐ-UBND, 24/6/2015	9.812	8.039	8.039	8.039	8.039	8.039	8.039	843			843
3	Công trình: Trung tâm Văn hoá Thông tin tỉnh Đắk Nông. Gói số 8: Xây dựng khởi đầu tư và học nghiệp vụ, khởi đầu tư, khởi đầu tư; Gói số 9: Xây dựng khu tổ chức lễ hội, khu phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật	7070831	463	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2008-2012	1709/QĐ-UBND, ngày 08/11/2011	124.473	124.473	49.838	49.838	49.838	49.838	333				333
4	Hệ thống cấp nước thiên nhiên Dao Nguyễn thuộc khu di tích sinh thái văn hóa, lịch sử Nam Nung, xã Nam Nung, huyện Đắk Song	7154462		Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Đắk Song	2.009	84/QĐ-SKH, ngày 28/5/2009	562	562	396	396	396	396	87				87

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-IT	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP		Trong đó:	
																	Tổng số	Tổng số NSDP
III.2	Bổ trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2021						116.476	112.476	74.205	30.045	13.500	16.545	0	0	13.500			
1	Xây dựng thao trường huấn luyện, diển tập theo tiến chỉ 3 trong 1 của Bộ Quốc phòng tại căn cứ chiến đấu của huyện Tuy Đức	7004686	011	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2019-2021	15.000	15.000	11.955	2.545	1.500	1.045			1.500			
2	Đường hầm Sứ chỉ huy cơ bản huyện Tuy Đức	7004686	011	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Tuy Đức	2017-2021	27.476	27.476	23.300	4.000	2.500	1.500			2.500			
3	Đường tránh thao trường và đường tải định canh cho bộ giả định bị giới tỏa xây dựng thao trường dùng hợp các lực lượng vũ trang tỉnh	7726326	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển Quý đất huyện Đắk Song	Krông Nô	2019-2021	21.000	20.000	8.000	10.000	5.000	5.000			5.000			
4	Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	7727649	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển Quý đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2019-2021	18.000	15.000	13.500	1.500	1.500				1.500			
5	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông	7725122	103	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh		2019-2021	35.000	35.000	17.450	12.000	3.000	9.000			3.000			
III.3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021						183.740	183.740	61.000	95.000	29.000	36.000	0	0	29.000			
1	Xây dựng Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	7787809	332	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2020-2022	59.000	59.000	20.000	30.000	5.000	10.000			5.000			
2	Khu liên hợp Báo tang, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông	7726885	161	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp		2019-2023	124.740	124.740	41.000	65.000	24.000	20.000			24.000			
III.4	Đổi ứng các dự án sử dụng NSTYW, ODA						1.650.767	232.381	87.341	123.708	25.000	36.708	15.000	25.000	25.000			
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						624.839	87.000	44.000	36.000	17.000	19.000	0	0	17.000			
1.1	Hồ chứa nước Nam Xuân, huyện Krông Nô	7634500	283	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông	Krông Nô		487.000	55.000	30.000	20.000	9.000	11.000			9.000			
1.2	Hồ chứa nước Đắk N'Ting, tỉnh Đắk Nông	7728850	283	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông	Đắk GLoang		137.839	32.000	14.000	16.000	8.000	8.000			8.000			
2	Đổi ứng các dự án ODA						1.025.928	145.381	43.341	87.708	8.000	17.708	15.000	25.000	22.000			
2.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						1.025.928	145.381	43.341	87.708	8.000	17.708	15.000	25.000	22.000			
2.1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (dự án VnSAT), tỉnh Đắk Nông	7544044	281	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông		2015-2022	260.679	15.780	13.280	2.000	1.000	1.000			1.000			
2.2	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014 - 2020	7487081	302	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp		2015-2022	34.600	4.600	1.000	3.600	2.000	1.600			2.000			
2.3	Dự án Sơn chừa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	7593791	283	Ban quản lý tiêu dự án sơn chừa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Toàn tỉnh	2016-2022	229.630	22.669	20.561	2.108	1.000	1.108			1.000			

2

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Dự kiến KHI đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú				
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP		Trong đó:			
																	Tổng số	Trong đó: NSDP	Thu hồi các khoản vay trước	Thành toán nợ đọng
2.4	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vay vốn ADB tỉnh Đắk Nông			Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông		2019-2025		1074/QĐ-UBND ngày 11/7/2018; 1073/QĐ-UBND ngày 11/7/2018	501.019	102.332	8.500	8.500	80.000	4.000	22.000	25.000	4.000	Dự án mới được Trung ương phê duyệt bổ sung KH ĐTC trong hạn ODA 2016-2020 tại QĐ số 1638/QĐ-TTg ngày 23/10/2020 (bổ trí 2020: 4 tỷ đồng), dự án đang trong quá trình thiết kế chi tiết		
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	7572458	283		Huyện Cư Jút	2018-2024		1074/QĐ-UBND ngày 11/7/2018	210.072	43.246	3.700	3.700	2.000	2.000			2.000			
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mũi tỉnh Đắk Nông	7572454	283		Huyện Đắk Mũi	2018-2024		1073/QĐ-UBND ngày 11/7/2018	290.947	59.086	4.800	4.800	2.000	2.000			2.000			
III.5	Các dự án khởi công mới năm 2021								965.500	960.100			816.205	258.238	227.293	259.401	82.459	0	241.552	Bổ trí vốn đến 85% dự toán NSDP, phần còn lại bổ trí sau khi có quyết định quyết toán hoàn thành (10% gồm chi phí dự phòng dự án và dự phòng 5% chi phí quyết toán giám); Ngoài ra, Chi phí GPMB của dự án cấp huyện làm CĐT do cấp huyện chi trả
1	Lĩnh vực giao thông, hạ tầng đô thị Dự án di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa			Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa		2021-2024			420.000	400.000			39.400	39.400					180.897	
2	Dự án Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn 5 xã, xã Đắk RLà huyện Đắk Mũi đến xã Cư Kna, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông			Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp		2021-2023			79.000	79.000			66.150	11.430	13.630	28.560			11.430	Dự án dự kiến bổ trí trong 4 năm
3	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur			Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp		2021-2023			77.000	77.000			62.450	10.090	13.090	28.180			10.090	Dự án dự kiến bổ trí trong 4 năm
4	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thành Tông, thành phố Gia Nghĩa			Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa		2021-2023			70.000	70.000			56.500	10.000	10.900	25.719			10.000	Dự án dự kiến bổ trí trong 04 năm; NS cấp huyện thực hiện GPMB
5	Dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với đường liên xã Quảng Khê - Đắk Hà			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk GLong		2021-2023			14.500	14.500			12.325	4.000	4.000	4.325			4.000	NS cấp huyện thực hiện GPMB
6	Đường nối dài từ thôn 11 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk GLong		2021-2023			14.000	14.000			11.900	3.900	4.000	4.000			3.900	NS cấp huyện thực hiện GPMB
7	Dự án Đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đắk Nyo huyện Tuy Đức			Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk RLấp		2021-2023			30.000	30.000			22.500	6.902	8.098	7.500			6.902	NS cấp huyện thực hiện GPMB
8	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lê Thìn Trác, thị trấn Kâm Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức			Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk RLấp		2021-2023			40.000	40.000			31.000	9.300	10.300	11.400			9.300	NS cấp huyện thực hiện GPMB
9	Dự án Đường Nam Đà đi Đắk D्रो			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô		2021-2023			20.000	20.000			14.000	4.600	4.600	4.800			4.600	NS cấp huyện thực hiện GPMB
10	Dự án Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô		2021-2023			30.000	24.000			20.500	6.500	8.500	5.500			6.500	NS cấp huyện thực hiện GPMB

2

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chức danh tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành quyết định	Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP	Trong đó:		
																		Thư hỏi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ đọng
11	Dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã tư Phan Chu Trinh và xã Nam Đông; hướng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	2021-2023	2021-2023	50.000	50.000	39.000	9.000	11.000	19.000			9.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
12	Dự án Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tân Thành - Ea Tung; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	2021-2023	2021-2023	30.000	30.000	22.500	5.500	8.500	8.500			5.500				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
13	Dự án đường giao thông xã Nam Đông đi Đắk Drông - Đắk Wil			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	2021-2023	2021-2023	58.000	58.000	50.000	11.800	13.200	25.000			11.800				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
14	Dự án Đường giao thông từ cầu khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi tỉnh (ĐT.683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mũi (giai đoạn 1)			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mũi	2021-2023	2021-2023	36.000	36.000	27.000	9.200	9.200	9.200			9.200				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
15	Đường giao thông liên xã Đắk R'Lê đi xã Đắk N'Drôn, huyện Đắk Mũi			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mũi	2021-2023	2021-2023	53.000	53.000	42.000	11.000	12.000	19.000			11.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
16	Đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song			BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	2021-2023	2021-2023	42.000	42.000	32.700	10.000	10.900	11.800			10.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
17	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'Dương - Thuận Hà			BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Song	2021-2023	2021-2023	13.500	13.500	11.475	3.825	3.825	3.825			3.825				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
18	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TD); HM: Xây dựng mới cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4,5Km đường			BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	2021-2023	2021-2023	15.000	15.000	12.250	4.000	4.250	4.000			4.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'Ti và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đắk Wêr, huyện Đắk R'Lấp			BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	2021-2023	2021-2023	22.000	22.000	17.600	5.200	6.200	6.200			5.200				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
20	Tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'Ti đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đắk R'Lấp đầu nối với đường vào xã Đắk Ngo)			BQLDA và PTQĐ huyện Tuy Đức	2021-2023	2021-2023	25.000	25.000	19.500	5.250	5.000	9.250			5.250				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
1	Lĩnh vực Khoa học Công nghệ Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đang tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025			Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông	2021-2023	2021-2023	10.000	10.000	8.500	2.800	2.800	2.900			2.800				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
2	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, phát sóng chương trình phát thanh, hệ thống thiết bị và phần mềm truyền thông nội bộ			Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	2021-2023	2021-2023	24.700	24.700	20.000	5.000	7.000	8.000			5.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
1	Lĩnh vực Nông nghiệp Xây dựng 10 trạm quản lý bảo vệ rừng tại các BQL, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2021-2023	2021-2023	15.000	15.000	18.700	5.150	6.150	7.400			5.150				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
2	Xây dựng công, hàng rào Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông			Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023	7.000	7.000	5.950	1.900	1.900	2.150			1.900				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
1	Lĩnh vực trợ trợ, cơ quan hành chính quản lý nhà nước Dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông			Sở Xây dựng	2021-2023	2021-2023	3.000	3.000	48.400	14.400	15.400	18.600			0				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông			Sở Kế hoạch và Đầu tư	2021-2023	2021-2023	4.500	4.500	2.500	1.000	1.000	500			1.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
3	Dự án Xây dựng nhà trường 250 chỗ phục vụ các xã hợp HĐND tỉnh và các hội nghị khác			Văn phòng HĐND tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023	10.000	10.000	3.400	1.100	1.100	1.200			1.100				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
4	Dự án xây dựng Trụ sở và kho lưu trữ Văn phòng đảng ủy, địa phương			Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2023	2021-2023	27.000	27.000	22.000	6.000	7.000	9.000			6.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
5	Dự án Hội trường đa năng và phòng họp trực tuyến thuộc trụ sở làm việc HĐND & UBND thành phố Gia Nghĩa			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	2021-2023	2021-2023	15.000	15.000	12.000	3.500	3.500	5.000			3.500				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
1	Lĩnh vực văn hóa Chương trình cấp tu bổ di tích địa điểm lưu niệm N'Trang Gư, xã Bùn Chơah, huyện Krông Nô; hạng mục: Nhà bia tưởng niệm và hạ tầng kỹ thuật			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	2021-2023	2021-2023	3.000	3.000	2.500	1.000	1.000	500			1.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
2	Dự án Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Krông Nô			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Krông Nô	2021-2023	2021-2023	6.000	6.000	44.085	14.885	14.650	14.550			0				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
1	Hỗ trợ đầu tư trợ trợ cấp xã Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Som			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Glong	2021-2023	2021-2023	14.500	14.500	12.235	4.235	4.000	4.000			4.235				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
2	Trụ sở làm việc Đảng ủy - UBND - UBNDTOWN xã Đắk Ruk			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk Rấp	2021-2023	2021-2023	15.000	15.000	12.750	4.250	4.250	4.250			4.250				NS cấp huyện thực hiện GPMB	

TT	Đanh mục dự án	Mã ngành kinh tế	Mã dự án	Chức danh tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Dự kiến KII đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)				Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú					
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số TMDYT	Tổng số NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023		Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP	Trong đó:	
																			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng
3	Trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nông			Ban QLDA&PT quốc địa huyện Krông Nô		2021-2023		14.700	14.700		12.300	4.200	3.900		4.200		NS cấp huyện thực hiện GPMB			
4	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk R. Th; Hàng mục: Xây mới Nhà làm việc tổ một cũ, Hàng mục: Sửa chữa nhà làm việc công an xã, Nhà se, nhà vệ sinh, Hà láng kỹ thuật và Trang thiết bị			Ban QLDA&PT quốc địa huyện Tuy Đức		2021-2023		8.000	8.000		6.800	2.200	2.400		2.200		NS cấp huyện thực hiện GPMB			
1	Linh vực An ninh - Quốc phòng			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông		2021-2023		4.500	4.500		3.800	1.500	800		1.500					
2	Dự án Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mĩ			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông		2021-2023		3.000	3.000		2.500	1.000	500		1.000					
3	Dự án Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mĩ			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông		2021-2023		3.000	3.000		2.500	1.000	500		1.000					
4	Thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, hàng mục: San lấp mặt bằng, kê ôp mái taluy, công nghệ thoát nước			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông		2021-2023		3.200	3.200		2.500	1.000	500		1.000					
5	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Đắk Mĩ			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông		2021-2023		3.700	3.700		3.145	1.145	1.000		1.145		Cum kết với QK 5			
6	Hàng mục: Nhà hộ trường			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông		2021-2023		8.700	8.700		6.800	2.800	2.000		2.800		Cum kết với QK 6			
7	Doanh trại ĐBB301/eBB99/4B6 chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông, Hàng mục: Nhà hộ trường, Cầu ao, sân chơi, cái tạo, xây dựng nhà ở doanh trại và nhà làm việc nghiệp vụ cảnh sát			Công an tỉnh Đắk Nông		2021-2023		14.500	14.500		12.325	4.325	4.000		4.325		Cum kết với QK 7			
8	Dự án Sân chơi, cái tạo lễ thông mừng thu nước Công an tỉnh			Công an tỉnh Đắk Nông		2021-2023		2.500	2.500		2.125	725	700		725					
9	Dự án Sân chơi, cái tạo Trại tạm giam của Công an tỉnh Đắk Nông			Công an tỉnh Đắk Nông		2021-2023		3.000	3.000		2.500	1.000	500		1.000					
10	Dự án sân chơi, nâng cấp, cái tạo nhà làm việc Phòng Cảnh sát cơ động (TSLY Công an thành phố Gia Nghĩa cũ)			Công an tỉnh Đắk Nông		2021-2023		2.500	2.500		2.125	725	700		725					
11	Dự án sân chơi, nâng cấp Trường bán của Công an tỉnh			Công an tỉnh Đắk Nông		2021-2023		3.500	3.500		2.900	1.000	900		1.000					
12	Nâng cấp cái tạo, sân chơi đường rào đến Biên phòng Đắk Giang (769)			Công an tỉnh Đắk Nông		2021-2023		10.000	10.000		8.500	2.800	2.800		2.800					
13	Cái tạo, sân chơi trụ sở cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông			Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông		2021-2023		7.000	7.000		5.950	1.900	2.150		1.900		Chi tiêu tại Phụ lục V			
III.6	Chuyến bị đầu tư										11.186	11.186		11.186						
D	Các dự án khởi công mới sau năm 2021										682.460	16.995	36.793	368.107						
I	NGUỒN CHÍNH PHỦ VAY VẾ CHO VAY										526.000	105.200	105.200	105.200	105.200		Bổ trí cho các dự án ODA			
I	LAI										47.862				47.862					
I	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021							229.630			7.059				7.059					
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, điện nghiệp, thủy lợi và thủy sản		283	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2016-2022		4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2015; 873/QĐ-UBND ngày 6/6/2018			7.059				7.059					
1.1	Dự án Sân chơi và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông		7593791			2016-2022		3606/QĐ-BNN, ngày 04/9/2015; 3102/QĐ-BNN ngày 21/7/2016			3.250				3.250					
2	Cấp nước, thoát nước										3.250				3.250					
2.1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới, tỉnh Đắk Nông							201.807			37.553				37.553					
3	Giao thông										37.553				37.553					
3.1	Dự án mở rộng phát triển khu vực biên giới, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á		7557066	292	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2017-2023		1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017			2.500				2.500					
II	Dự án khởi công mới năm 2021										2.500				2.500					
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, điện nghiệp, thủy lợi và thủy sản										2.500				2.500					
1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		7572458	283	Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT	2018-2024		662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019			2.500				2.500					
III	Thống báo sau										57.338	105.200	105.200	105.200	57.338		Chưa nhận nợ			

PHỤ LỤC V
BỘ TRƯỞNG CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số 674 /BC-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú	
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ										11.186	
1	Dự án Kho vũ khí đạn, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông, hạng mục: Sửa chữa nâng cấp nhà, đường bê tông, mương thoát nước, tường rào, kết taluy			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Huyện Đắk Song				8.000	8.000	400	
2	Dự án Nâng cấp, cải tạo Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	TP Gia Nghĩa				3.000	3.000	200	
3	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng			Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	Huyện Đắk Mil				10.000	10.000	400	
4	Trụ sở làm việc chung cho các Hội cơ tình chất đặc thù tỉnh Đắk Nông			Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	TP Gia Nghĩa				30.000	30.000	1.200	
5	Dự án xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, cải tạo khối phòng học 02 tầng thành nhà thư viện, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lê Duẩn, huyện Đắk G'Long			Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Đắk G'Long				10.000	10.000	400	
6	Dự án Nhà luyện tập và chạy chương trình Đoàn ca mùa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	TP Gia Nghĩa				5.500	5.500	300	
7	Dự án trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Hà			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk G'Long	Huyện Đắk G'Long				14.500	14.500	500	
8	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Huyện Đắk R'Lấp				20.000	20.000	800	
9	Dự án Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND UBND TQVN xã Đắk Wer			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Huyện Đắk R'Lấp				15.000	15.000	500	
10	Dự án Đường từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (ĐH 59)			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Huyện Krông Nô				20.000	20.000	700	
11	Dự án Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Huyện Đắk Mil				25.000	25.000	1.000	
12	Dự án Đường giao thông liên xã xã Đắk Hòa và xã Đắk Mơi huyện Đắk Song			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Huyện Đắk Song				12.000	12.000	600	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSĐP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	Dự án Đường giao thông liên xã Năm N'Jang - Trường Xuân, huyện Đắk Song			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Huyện Đắk Song				40.000	40.000	1.400	
14	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'tìh đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức (đoạn từ Ngã ba Phi Á đến Ngã ba Quảng Tân).			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Huyện Tuy Đức				23.000	23.000	800	
15	Dự án Tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'tìh đi Quảng Tâm (đoạn từ hướng Tỉnh lộ 1 đi Bon Bu N'Dơ B xã Quảng Tâm).			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Huyện Tuy Đức				14.000	14.000	600	
16	Trụ sở làm việc HBND - UBND - xã Quảng Tân			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Huyện Tuy Đức				14.500	14.500	500	
17	Các dự án trung tâm thông tin Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông			BQL Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	Các huyện				20.000	20.000	886	

Số: /BC-UBND

Đắk Nông, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO TÓM TẮT

**Tình hình thực hiện Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và
xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2021**

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020:

1. Tổng kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước trong năm 2020 là 2.396.592 triệu đồng, trong đó: Kế hoạch vốn giao trong năm 2020 là 2.098.553 triệu đồng, vốn chuyển nhiệm vụ chi năm 2019 sang năm 2020 là 298.039 triệu đồng. Cụ thể như sau:

a) Tổng số kế hoạch vốn chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2020 được HĐND tỉnh và UBND tỉnh giao là 2.098.553 triệu đồng, bao gồm: 1.841.653 triệu đồng vốn trong nước và 256.900 triệu đồng vốn ODA, trong đó:

- Nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm trích lập quỹ phát triển đất là 64.000 triệu đồng và vốn vay về cho vay lại để trả lãi gốc là 23.500 triệu đồng): 828.198 triệu đồng;

- Nguồn ngân sách trung ương: 568.327 triệu đồng (đã bao gồm 113.000 triệu đồng trung ương bổ sung từ nguồn ngân sách dự phòng ngoài dự toán HĐND tỉnh giao);

- Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 277.858 triệu đồng (không bao gồm số vốn sự nghiệp);

- Nguồn vốn ODA: 256.900 triệu đồng;

- Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: 167.270 triệu đồng.

b) Nguồn chuyển nhiệm vụ chi năm 2019 sang năm 2020 là 298.039 triệu đồng (gồm: Nguồn cân đối ngân sách địa phương là 50.199 triệu đồng; Nguồn ngân sách trung ương là 57.754 triệu đồng; Nguồn vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia là 47.933 triệu đồng; Nguồn vốn ODA là 142.154 triệu đồng).

2. Tình hình phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020: Lũy kế đã phân bổ được 2.094.790 triệu đồng, đạt 99,8% dự toán tổng kế hoạch vốn năm 2020; chỉ còn lại chưa phân bổ là 3.763 triệu đồng nguồn NSDP vay lại của Chính phủ, chiếm 0,2% (nguyên nhân các dự án ODA có cấu phần vốn vay lại đã hết hạn mức trung hạn để phân bổ nên không thể phân khai; phần vốn trên được thực hiện theo cơ chế ghi thu ghi chi nên địa phương không phân khai thì không nhận nợ đối với số vốn này).

3. Tình hình giải ngân vốn đầu tư công ước đến cuối năm 2020: Đến ngày 15/11/2020, tổng số giải ngân đã thực hiện là 1.358.474 triệu đồng/2.396.592 triệu đồng tổng kế hoạch vốn, đạt tỉ lệ giải ngân chung đạt 56,7% (gồm: kế hoạch vốn năm 2020 là 1.121.795 triệu đồng, nguồn chuyển nhiệm vụ chi là 236.679 triệu đồng), cụ thể:

a) Kế hoạch giao năm 2020: Đã giải ngân được 1.121.795 triệu đồng/2.098.023 triệu đồng tổng kế hoạch vốn năm 2020, đạt 53,5%, cụ thể:

- Nguồn ngân sách địa phương là 518.151 triệu đồng/828.198 triệu đồng tổng kế hoạch vốn năm 2020, đạt 62,6%;

- Nguồn Ngân sách Trung ương là 355.953 triệu đồng/568.327 triệu đồng tổng kế hoạch vốn năm 2020, đạt 62,6%;

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia là 127.027 triệu đồng/277.858 triệu đồng, đạt 45,7% trên tổng kế hoạch vốn năm 2020;

- Nguồn vốn ODA giải ngân là 51.036 triệu đồng/256.900 triệu đồng tổng kế hoạch vốn năm 2020, đạt 19,9%;

- Nguồn vốn TPCP giải ngân là 69.628 triệu đồng/167.270 triệu đồng, đạt 41,6% trên tổng kế hoạch vốn năm 2020.

b) Nguồn chuyển nhiệm vụ chi năm 2019 sang năm 2020: Đã giải ngân được 234.487 triệu đồng/298.039 triệu đồng, đạt 79,4% (gồm Nguồn cân đối ngân sách địa phương là 41.506 triệu đồng/50.199 triệu đồng, đạt 82,7%; nguồn ngân sách Trung ương là 46.739 triệu đồng/57.754 triệu đồng, đạt 80,9%; nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia đã giải ngân 43.873 triệu đồng/47.933 triệu đồng, đạt 91,5%; nguồn vốn ODA đã giải ngân 104.561 triệu đồng/142.154 triệu đồng, đạt 73,6%).

5. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân trong thực hiện, giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2020:

a) Nguyên nhân khách quan:

- Từ đầu năm một số dự án đã có chủ trương điều chỉnh dự án để tăng hiệu quả đầu tư, nhưng gặp vướng mắc khi triển khai điều chỉnh theo Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ, làm chậm phê duyệt điều chỉnh, chậm được giao kế hoạch vốn; Đến ngày 17/7/2020, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP về một số nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Nghị định số 68/2019/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, do vậy làm chậm quá trình triển khai đầu tư dự án.

- Thời tiết đặc thù của vùng Tây Nguyên và tỉnh Đắk Nông, đặc biệt trong năm 2020, thời tiết diễn biến phức tạp, mưa lớn kéo dài...gây ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, nhất là các dự án giao thông, thủy lợi. Đối với các công trình khởi công mới, kế hoạch vốn được giao từ đầu năm, tuy nhiên quá trình chuẩn bị hồ sơ, đấu thầu xong để thi công, thì đến thời điểm mùa mưa (kéo dài từ khoảng tháng 4- tháng 10 hàng năm).

b) Nguyên nhân chủ quan:

- Một số dự án lớn nhưng gặp vướng mắc trong công tác GPMB, phải thực hiện điều chỉnh giảm vốn để điều chuyển cho các dự án khác.

- Công tác tổ chức thực hiện của một số Chủ đầu tư còn chậm; trách nhiệm của người đứng đầu chưa cao; công tác tuyên truyền đến người dân về chính sách bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng chưa đầy đủ, thiếu minh bạch; chưa tạo đồng thuận trong nhân dân, còn tình trạng khiếu kiện, khiếu nại về chính sách đền bù, bồi thường giải phóng mặt bằng.

- Năng lực chuyên môn của một số cán bộ quản lý dự án, tư vấn giám sát, nhà thầu,... còn hạn chế, không đáp ứng được yêu cầu; công tác đôn đốc nhà thầu triển khai thi công chưa quyết liệt và hiệu quả.

II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

I. Xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2021:

1. Tổng nguồn kế hoạch đầu tư công năm 2021: Tổng nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2021 là 1.946.833 triệu đồng, giảm 6% so với năm 2020, cụ thể như sau:

- Dự kiến nguồn vốn Ngân sách trung ương vốn trong nước: 665.990 triệu đồng, giảm 26% so với KH năm 2020;

- Dự kiến nguồn vốn Ngân sách trung ương vốn ODA: 336.213 triệu đồng, tăng 31% so với KH năm 2020;

- Dự kiến nguồn vốn Ngân sách địa phương: 944.630 triệu đồng, tăng 3% so với KH năm 2020, trong đó:

+ Nguồn cân đối Ngân sách địa phương là 441.430 triệu đồng, giảm 27,44% so với KH năm 2020;

+ Nguồn thu từ sử dụng đất 375.000 triệu đồng, tăng 22% so với năm 2020;

+ Nguồn xổ số kiến thiết 23.000 triệu đồng, bằng KH năm 2020;

+ Nguồn bội chi ngân sách địa phương 105.200 triệu đồng, tăng 215% so với kế hoạch năm 2020;

- Riêng nguồn vốn các chương trình MTQG, trung ương chưa thông báo.

2. Kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước): Đến nay, trung ương chưa thông báo số vốn dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025; do đó, đối với nguồn vốn Ngân sách trung ương năm 2021 tập trung bố trí vốn xử lý dứt điểm các nhiệm vụ giai đoạn 2016-2020 chưa được bố trí đủ vốn. Dự kiến phương án phân bổ 665.990 triệu đồng, theo thứ tự ưu tiên:

- Phân bổ 169.349 triệu đồng cho 07 dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020, đạt tỉ lệ bố trí vốn lũy kế từ 85-90%.

- Phân bổ 65.000 triệu đồng cho 04 dự án dự kiến hoàn thành vào năm 2021, đảm bảo nguồn vốn để hoàn thành dự án trong năm.

- Phân bổ 331.000 triệu đồng cho 12 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021, phân bổ đảm bảo theo tiến độ triển khai dự án.

- Phần còn lại là 100.641 triệu đồng dự kiến bố trí vốn khởi công mới:

+ Phân bổ 6 tỷ đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông thuộc danh mục các dự án NSTW đầu tư cho các dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, có tính chất lan tỏa.

+ Bổ chí cho các dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách trung ương giai đoạn 2026-2020 nhưng chưa được bố trí vốn trong kế hoạch hàng năm (gồm 08 dự án), cụ thể như sau:

Về lĩnh vực giao thông: Dự kiến bố trí cho các dự án: Đường Bờ Tây Hồ Trung tâm; Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút; Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và Đắk N'drug với tổng số vốn là 66,641 tỷ đồng.

Về lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi: Dự kiến bố trí cho dự án Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk Lao với số vốn 18 tỷ đồng.

Về lĩnh vực xã hội: Dự kiến bố trí vốn cho dự án Trụ sở bảo trợ xã hội của tỉnh với số vốn 10 tỷ đồng.

Còn lại 03 dự án tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 và khởi công mới sau năm 2021, gồm: Dự án Đường Bờ Đông Hồ trung tâm, hiện khu vực bờ Đông Hồ trung tâm có rất ít dân cư sinh sống nên việc đầu tư dự án hiện chưa cấp thiết. Dự án Kết nối các Trục đường Khu đô thị số 4, thị xã Gia Nghĩa hiện đang còn gặp vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, còn tình trạng hộ dân không đồng ý cho tiến hành đo đạc, không phối hợp cung cấp ranh giới khu đất, do đó công tác GPMB dự kiến mất nhiều thời gian, không đảm bảo khởi công dự án trong năm 2021. Dự án Trụ sở HĐND-UBND huyện Đắk R'lấp, hiện nay UBND huyện Đắk R'lấp đang đánh giá, điều chỉnh vị trí đầu tư dự án

3. Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ODA: Phân bổ 336.213 triệu đồng, đảm bảo theo Hiệp định đã ký kết và tiến độ triển khai của các dự án, như sau:

- Vốn nước ngoài không theo cơ chế tài chính trong nước: 316.213 triệu đồng: Phân bổ 296.213 triệu đồng cho 04 dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021; Phân bổ 20 tỷ đồng để khởi công mới 02 dự án trong năm 2021.

- Vốn nước ngoài theo cơ chế tài chính trong nước: 20 tỷ đồng phân bổ cho dự án dự kiến khởi công mới năm 2021.

4. Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương 2021:

4.1. Dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025:

Để có cơ sở HĐND tỉnh quyết nghị kế hoạch đầu tư công năm 2021, UBND tỉnh báo cáo dự kiến tổng nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 5.418.000 triệu đồng (cấp tỉnh bố trí cho các dự án đầu tư 2.400.000 triệu đồng), trong đó:

- Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được tính tăng bình quân hàng năm 6% (theo quy định tại khoản 2, Điều 8, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025); trong đó nguồn cân đối NSĐP dự kiến năm 2021 là 441.430 triệu đồng (theo Thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

- Nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 được tính tăng bình quân hàng năm 10%, dự kiến năm 2021 là 375.000 triệu đồng (cấp tỉnh 130.000 triệu đồng, cấp huyện 245.000 triệu đồng).

- Nguồn xổ số kiến thiết giai đoạn 2021-2025 dự kiến không tăng, dự kiến năm 2021 là 23.000 triệu đồng.

- Nguồn bội chi ngân sách địa phương (vay lại của Chính phủ để bố trí cho các dự án ODA theo quy định): dự kiến năm 2021 là 105.200 triệu đồng, dự kiến không tăng trong giai đoạn 2021-2025.

Chưa tính nguồn vốn bổ sung cho đầu tư công từ ngân sách địa phương 250.000 triệu đồng trong giai đoạn 2021-2025, bằng mức bổ sung cho đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020.

4.2. Phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 nguồn ngân sách địa phương:

Tổng nguồn vốn đầu tư công ngân sách địa phương dự kiến năm 2021 (theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 6842/BKHĐT-TH ngày 16/10/2020) là 944.630 triệu đồng. Trong đó:

- Nguồn thu sử dụng đất: 375.000 triệu đồng.
- Nguồn xổ số kiến thiết: 23.000 triệu đồng.
- Nguồn cân đối NSĐP: 441.430 triệu đồng.
- Nguồn vay lại của Chính phủ: 105.200 triệu đồng.

Trên cơ sở dự kiến tổng nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tại mục 4.1 nêu trên và thông báo vốn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh báo cáo phương án phân bổ kế hoạch vốn năm 2021 như sau:

a) Nguồn thu sử dụng đất: 375.000 triệu đồng (dự kiến cấp tỉnh 130.000 triệu đồng, cấp huyện 245.000 triệu đồng); sau khi trích lập đo đạc bản đồ cấp tỉnh 13.000 triệu đồng (10% nguồn thu cấp tỉnh); phân cấp cho cấp huyện 196.000 triệu đồng (80% nguồn thu cấp huyện); trích lập quỹ phát triển đất cấp tỉnh 75.000 triệu đồng (20% tổng nguồn thu sử dụng đất); còn lại 91.000 triệu đồng để chi đầu tư cấp tỉnh, phân bổ như sau.

- Bố trí cho các dự án hoàn thành trong năm 2021: 13.500 triệu đồng.
- Bố trí thanh toán cho các dự án đã hoàn thành: 7.468 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án hoàn thành sau năm 2021: 10.000 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án KCM năm 2021: 60.032 triệu đồng (bao gồm 02 dự án có tổng mức đầu tư 434.500 triệu đồng, bằng 13,81% tổng mức đầu tư).

b) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 23.000 triệu đồng. Sau khi trích 2.300 triệu đồng đầu tư CTMTQG (10% nguồn thu xổ số kiến thiết), còn lại 20.700 triệu đồng để chi đầu tư cấp tỉnh, bố trí cho các dự án KCM năm 2021 (gồm 04 dự án lĩnh vực giáo dục, y tế có tổng mức đầu tư 61.500 triệu đồng, bằng khoảng 33,66% tổng mức đầu tư)

c) Nguồn cân đối NSDP: 441.430 triệu đồng; sau khi phân cấp cho cấp huyện 132.429 triệu đồng (30% theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020 của HĐND tỉnh); còn lại 309.001 triệu đồng để chi đầu tư cấp tỉnh.

Ngoài ra, nguồn bổ sung cho đầu tư từ ngân sách địa phương năm 2021 là 20.000 triệu đồng. Như vậy, tổng nguồn vốn cấp tỉnh bố trí cho các dự án đầu tư là 329.001 triệu đồng. Phương án phân bổ như sau:

- Bố trí thanh toán cho các dự án đã hoàn thành: 3.263 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án hoàn thành trong năm 2021: 13.500 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án hoàn thành sau năm 2021: 29.000 triệu đồng.
- Bố trí đối ứng cho các dự án sử dụng NSTW: 18.000 triệu đồng.
- Bố trí đối ứng cho các dự án ODA: 8.000 triệu đồng.
- Bố trí cho các dự án KCM năm 2021: 258.328 triệu đồng (bao gồm 48 dự án có tổng mức đầu tư 965.500 triệu đồng, bằng khoảng 29% tổng mức đầu tư).
- Bố trí chuẩn bị đầu tư cho các dự án: 11.186 triệu đồng.

d) Nguồn vay lại của Chính phủ: 105.200 triệu đồng, phân bổ cho từng dự án tương ứng với mức vốn ODA do ngân sách trung ương cấp phát theo quy định.

Như vậy, tổng nguồn vốn ngân sách địa phương năm 2021 (không bao gồm nguồn vay lại của Chính phủ) để chi đầu tư cấp tỉnh là 440.701 triệu đồng (91.000 triệu đồng + 20.700 triệu đồng + 329.001 triệu đồng).

Kính trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT,

CHỦ TỊCH

Số: /NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 12 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển Ngân sách nhà nước năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg, ngày tháng năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Quyết định số /QĐ-BTC ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Xét Báo cáo số /BC-UBND ngày /11/2020 của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2020 và xây dựng kế hoạch năm 2021; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày /11/2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2021, với các nội dung sau:

1. Nguồn vốn đầu tư phát triển năm 2021: 1.966.833 triệu đồng (như phụ lục số I kèm theo) gồm:

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách địa phương 964.630 triệu đồng (bao gồm: nguồn cân đối ngân sách địa phương 461.430 triệu đồng; nguồn thu xổ số kiến 23.000 triệu đồng; nguồn thu sử dụng đất 375.000 triệu đồng; nguồn bội chi ngân sách địa phương 105.200 triệu đồng).

b) Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu 665.990 triệu đồng (bao gồm: 6.000 triệu đồng để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông).

c) Vốn ODA 336.213 triệu đồng (bao gồm: 20.000 triệu đồng của các dự án thực hiện theo cơ chế tài chính trong nước).

(Không kể các nguồn vốn hỗ trợ đầu tư khác trung ương chưa giao)

2. Kế hoạch phân bổ vốn đầu tư năm 2021 chi tiết tại các phụ lục số II, III, IV, V kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND tỉnh triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý năm 2021 có hiệu quả, đúng quy định pháp luật, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2021.

2. Đối với nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại để thực hiện các dự án ODA, giao UBND tỉnh giao chi tiết cho các dự án theo quy định, đảm bảo tỷ lệ phù hợp với nguồn vốn ODA cấp phát.

3. Đối với nguồn ngân sách trung ương (gồm: Nguồn NSTW hỗ trợ, ODA) trường hợp có thay đổi từ trung ương so với số dự kiến tại Điều 1 UBND tỉnh chủ động giao vốn cho các chủ đầu tư kịp thời triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch giao chính thức từ trung ương, đồng thời báo cáo với Thường trực HĐND tỉnh tổng hợp để báo cáo với HĐND tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

4. Đối với số vốn chưa phân bổ, số vốn trung ương bổ sung trong năm chưa giao cụ thể cho từng công trình và điều chỉnh vốn cho các dự án đã giao, đề nghị UBND tỉnh xây dựng phương án thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi quyết định giao cho các đơn vị thực hiện.

5. Giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Đắk Nông Khoá III, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban đảng của Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT-TH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Công báo Đắk Nông;
- Trung tâm lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

CHỦ TỊCH

Phụ lục I
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND, ngày tháng 12 năm 2020
của HĐND tỉnh Đắk Nông)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chương trình/ngành, lĩnh vực	Kế hoạch năm 2021
	TỔNG SỐ VỐN	1.966.833
1	Vốn NSNN	1.966.833
	<i>Trong đó:</i>	
a)	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	964.630
	<i>Trong đó:</i>	
-	Nguồn cân đối NSĐP	461.430
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	375.000
	<i>Trong đó:</i>	
	+ Phân bổ vốn theo dự án	91.000
	+ Vốn điều lệ quỹ hỗ trợ phát triển sử dụng đất	75.000
-	Xỏ số kiến thiết	23.000
-	Bội chi ngân sách địa phương	105.200
b)	Vốn ngân sách trung ương	1.002.203
-	Vốn trong nước	665.990
-	Vốn nước ngoài	336.213

Phụ lục II
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế bổ trí vốn đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trong hạn giải đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2021				Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:
																	Thu hồi các khoản vốn ăng trước	Thanh toán nợ XDCB			
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
A	TỔNG CỘNG							6.283.907	4.690.592	2.660.810	2.660.810	1.269.066	1.269.066	1.269.066	50.000	0	665.990	665.990	0	0	
I	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng đến ngày 31/12/2020							6.283.907	4.690.592	2.660.810	2.660.810	1.269.066	1.269.066	1.269.066	50.000	0	665.990	665.990	0	0	
I.1	<i>Quốc phòng</i>							3.551.466	2.787.816	1.864.746	1.864.746	233.719	233.719	233.719	0	0	169.349	169.349	0	0	
I.1.1	Đường Giao thông từ Đồn biên phòng 765 đi thôn Thuận Nghĩa, xã Thuận Hưng, huyện Đắk Song	7542807	292	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2016-2020		81.000	81.000	62.800	62.800	9.200	9.200	9.200	0	0	9.000	9.000	0	0	
I.2	<i>Giao thông</i>							867.000	320.000	288.164	288.164	31.836	31.836	31.836	0	0	30.000	30.000	0	0	
I.2.1	Đường Dao Nghĩa - Quang Khê (giai đoạn 1)	7281576	292	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Đắk R'Lấp - Gia Nghĩa	2015-2020		867.000	320.000	288.164	288.164	31.836	31.836	31.836	0	0	30.000	30.000	0	0	
I.3	<i>Công nghiệp</i>							104.650	91.000	80.000	80.000	11.000	11.000	11.000	0	0	11.000	11.000	0	0	
I.3.1	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014-2020	7487081	302	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Toàn tỉnh	2015-2020		104.650	91.000	80.000	80.000	11.000	11.000	11.000	0	0	11.000	11.000	0	0	
I.4	<i>Khu công nghiệp và khu kinh tế</i>							1.658.088	1.540.088	750.000	750.000	125.000	125.000	125.000	0	0	62.666	62.666	0	0	
I.4.1	Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bên trong và bên ngoài hàng rào Khu công nghiệp Nhân Cơ	7467977	292	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Đắk R'Lấp	2016-2020		1.658.088	1.540.088	750.000	750.000	125.000	125.000	125.000	0	0	62.666	62.666	0	0	Hoàn ứng NSDP 22,666 tỷ đồng
I.5	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>							840.728	755.728	683.782	683.782	56.683	56.683	56.683	0	0	56.683	56.683	0	0	
I.5.1	Hồ Gia Nghĩa	7654959	283	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	TP. Gia Nghĩa	2018-2022		785.000	700.000	650.000	650.000	50.000	50.000	50.000	0	0	50.000	50.000	0	0	
I.5.2	Chương trình Bảo vệ và Phát triển rừng		282	Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	Toàn tỉnh	2016-2020		20.474	20.474	15.782	15.782	1.683	1.683	1.683	0	0	1.683	1.683	0	0	
I.5.3	Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất ván MDF và veneer gỗ	7582533	405	Công ty cổ phần Kỹ nghệ gỗ MDF BISON	Đắk Song	2016-2020		35.254	35.254	18.000	18.000	5.000	5.000	5.000	0	0	5.000	5.000	0	0	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế bố trí vốn đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trong hạn giai đoạn 2021-2025				Dự kiến kế hoạch 2021				
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tha hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Ghi chú
II	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021							538.968	446.468	281.804	281.804	159.777	50.000	0	65.000	0	0			
2.1	<i>Giao thông</i>							250.468	190.468	138.804	138.804	32.777	0	28.000	0	0				
2.1.1	Đường vào xã Đắk Ngọ, huyện Tuy Đức	7559717	292	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức		2018-2022	1081/QĐ-UBND 30/6/2017	170.000	110.000	79.993	79.993	19.457		15.000						
2.1.2	Đường giao thông về xã Đuôn Chơah, huyện Krông Nô	7556410	292	Ban Quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Krông Nô		2018-2022	1718/QĐ-UBND 31/10/2017	80.468	80.468	58.811	58.811	13.320		13.000						
2.2	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>							288.500	256.000	143.000	143.000	127.000	50.000	37.000	0	0				
2.2.1	Công trình thủy lợi suối đá xã Quảng Hòa, huyện Đắk Glong	7635261	283	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Đắk GLong	2018-2022	1745/QĐ-UBND 31/10/2017	90.000	90.000	25.000	25.000	56.000	50.000	6.000						
2.2.2	Nâng cấp các công trình thủy lợi phòng chống lũ lụt trên địa bàn tỉnh Đắk Nông	7609760	283	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Toàn tỉnh	2018-2022	988/QĐ-UBND 12/6/2017	198.500	166.000	118.000	118.000	71.000		31.000						
III	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i>							1.697.419	1.038.308	505.260	505.260	497.630	0	331.000	0	0				
3.1	<i>Giao thông</i>							993.779	488.908	206.310	206.310	245.983	0	161.000	0	0				
3.1.1	Đường giao thông liên xã Trúc Sơn - Cư KNia - Đắk Đông - Nam Dong	7558664	292	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2019-2023	1723/QĐ-UBND 31/10/2018	90.000	90.000	37.500	37.500	42.865		35.000						
3.1.2	Các trục đường khu trung tâm Hành chính huyện Đắk Glong	7559352	292	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk Glong	Đắk GLong	2019-2023	780/QĐ-UBND 11/5/2017	83.077	83.077	44.760	44.760	27.827		20.000						
3.1.3	Đường giao thông từ thị trấn Kiến Đức đi liên xã Kiến Thành - Nhân cơ - Nhân Đạo	7614023	292	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk R'Lấp	Đắk R'Lấp	2019-2023	1724/QĐ-UBND 31/10/2017	85.005	85.005	41.000	41.000	35.236		25.000						

Đã trừ dự phòng phi 9.635 triệu đồng để tiết kiệm chi theo NQ 89/NQ-CP ngày 10/10/2016

Đã trừ dự phòng phi 10.490 triệu đồng để tiết kiệm chi theo NQ 89/NQ-CP ngày 10/10/2016

Đã trừ dự phòng phi 8.769 triệu đồng để tiết kiệm chi theo NQ 89/NQ-CP ngày 10/10/2016

- Đã trừ dự phòng phi 8.337 triệu đồng để tiết kiệm chi theo NQ 89/NQ-CP ngày 10/10/2016;
- Đơn vị đề xuất vốn còn lại của dự án 13.000 triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế hoạch vốn đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2021			Ghi chú
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
														Trong đó: NSTW	Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	
3.1.4	Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mũi	7654941	292	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mũi	Đắk Mũi	2019-2023	1721/QĐ-UBND 31/10/2017	81.830	39.500	34.609	34.609	24.000	24.000	24.000	0	0	Đã trừ chi phòng phí 7.721 triệu đồng để tiết kiệm chi theo NQ 89/NQ-CP ngày 10/10/2016
3.1.5	Đường vành đai phía Đông huyện Đắk Song	7542809	292	Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2019-2023	1749/QĐ-UBND 31/10/2017	93.833	43.550	41.450	41.450	25.000	25.000	25.000	0	0	
3.1.6	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	7557066	292	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông		2019-2023	1288/QĐ-UBND 26/7/2016	559.974	63.996	63.996	63.996	32.000	32.000	32.000	0	0	hoàn ứng NSDP 12 tỷ đồng
3.2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							503.700	181.700	187.587	187.587	118.000	118.000	118.000	0	0	
3.2.1	Dự án ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức giai đoạn 2	7663298	428	Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2018-2022	1716/QĐ-UBND 31/10/2017; 1257/QĐ-UBND ngày 24/8/2020	300.000	80.000	121.600	121.600	80.000	80.000	80.000	0	0	
3.2.2	Dự án Cấp bách sắp xếp, ổn định dân cư tu do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức	7665019	428	Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông	Tuy Đức	2018-2022	1717/QĐ-UBND 31/10/2017; 689/QĐ-UBND 09/05/2018; 1461/QĐ-UBND 17/9/2018; 1257/QĐ-UBND 24/8/2020	182.000	90.000	55.987	55.987	30.000	30.000	30.000	0	0	
3.2.3	Dự án Kế hoạch sát lý sông Đắk Nang thôn Phú Tân xã Đắk Nang huyện Krông Nô	7847565	283	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đắk Nông	Krông Nô	2020-2022	1155/QĐ-UBND 05/8/2020	21.700	11.700	10.000	10.000	8.000	8.000	8.000	0	0	
3.3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							110.000	84.210	12.500	12.500	5.000	5.000	5.000	0	0	
3.3.1	Trường Cao đẳng Công đồng tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 1)	7122739	093	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa	2015-2022	1721/QĐ-UBND 30/10/2013; 463/QĐ-UBND 28/3/2016; 1439/QĐ-UBND 01/9/2017	110.000	84.210	12.500	12.500	5.000	5.000	5.000	0	0	
3.4	Y tế, dân số và gia đình							45.000	17.040	22.560	22.560	20.000	20.000	20.000	0	0	
3.4.1	Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản tỉnh	7661109	139	Sở Y tế	Gia Nghĩa	2019-2023	1715/QĐ-UBND 30/10/2017	45.000	17.040	22.560	22.560	20.000	20.000	20.000	0	0	
3.5	Phát thanh, truyền hình, thông tin							45.000	16.000	29.000	29.000	27.000	27.000	27.000	0	0	
3.5.1	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Đắk Nông	7665500	201	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	Gia Nghĩa	2020-2024	82/HĐND-VP 28/3/2017; 1078/QĐ-UBND 30/6/2017	45.000	16.000	29.000	29.000	27.000	27.000	27.000	0	0	Chưa bao gồm 6 tỷ đồng cho chuẩn bị đầu tư Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông
IV	Khởi công mới							496.054	9.000	377.940	377.940	100.641	100.641	100.641	0	0	
4.1	Giao thông							370.054	6.000	265.898	265.898	66.641	66.641	66.641	0	0	
4.1.1	Dự án đường Bờ Tây Hồ Trung tâm	7624255	292	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2020-2024	1720/QĐ-UBND 31/10/2017	198.054	2.000	118.000	118.000	29.641	29.641	29.641	0	0	

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế bổ tri vốn đến hết năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025			Dự kiến kế hoạch 2021			Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
4.1.2	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư Jút	7655327	292	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Cư Jút	Cư Jút	2020-2024	1653/QĐ-UBND 18/10/2018	90.000	90.000	2.000	2.000	77.342	77.342	19.000	19.000				
4.1.3	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'Đrưng	7656296	292	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2020-2024	1801a/QĐ-UBND 31/10/2019	82.000	82.000	2.000	2.000	70.556	70.556	18.000	18.000				
4.2	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							81.000	81.000	2.000	2.000	71.683	71.683	18.000	18.000	0	0		
4.2.1	Hồ Đắk Klo Oa, xã Đắk Hao	7654958	283	Ban Quản lý Dự án và phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Đắk Mil	2020-2024	1750/QĐ-UBND 31/10/2017	81.000	81.000	2.000	2.000	71.683	71.683	18.000	18.000				
4.3	Xã hội							45.000	45.000	1.000	1.000	40.359	40.359	10.000	10.000	0	0		
4.3.1	Trung tâm bảo trợ xã hội của tỉnh	7155335	398	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2019-2022	85/HĐND-VP 28/3/2017; 249/QĐ-UBND 26/02/2019	45.000	45.000	1.000	1.000	40.359	40.359	10.000	10.000				
4.4	Dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm, có tính chất lan tỏa													6.000	6.000				
4.4.1	Năng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông			Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa									6.000	6.000			Bổ tri kinh phí chuẩn bị đầu tư	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Chủ đầu tư	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hợp đồng	Thời gian KC-IT	Số quyết định	Quyết định đầu tư										Lấy kế hoạch tài trợ khởi công đến năm 2020				Dự kiến KII đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025				Dự kiến KII năm 2021				
								TMĐT					Vốn đầu tư					Vốn đầu tư					Trong đó:				Trong đó		Trong đó	
								Tổng số (đi cá cáo nguồn vốn)	Vốn đầu tư		Tích bình nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo hợp đồng)		Tổng số (đi cá cáo nguồn vốn)	NSTW	NSDP	Các nguồn khác (tư nhân, dân đồng góp)	Tổng số	NSTW	NSDP	Các nguồn khác	Tổng số	Cấp phát từ NSTW	Cho vay lại	Tổng số	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn nước ngoài		
									NSTW	NSDP		Quy định in tiền Việt	Đưa vào cân đối NSTW																Vay lại	NSTW
2.1	Trưng cáo công cộng đồng tình Đắk Nông	7122739	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	A op xé ut		2020-2024	1174/QĐ-TTg ngày 20/07/2019; 306/QĐ-PTg ngày 25/02/2020	562.967	281.483	197.034	84.449	24,3	281.484	281.484	123.510,0	84.210,0	39.300,0		281.484	281.484	10.000	10.000								
B	VỐN NƯỚC NGOÀI GIẢI NGÂN THEO CƠ CHẾ TẠI CHỖ TRONG NƯỚC							161.782,9	15.225,5	15.226	7	146.557,4	146.557,4					111.883,0	111.883,0	20.000,0	20.000,0									
I	Danh mục dự án khởi công mới năm 2021							161.782,9	15.225,5	15.226	7	146.557,4	146.557,4					111.883,0	111.883,0	20.000,0	20.000,0									
1	V																													
I.1	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới vệ cơ sở vùng khó Miền tỉnh Đắk Nông		Số Y số	ADB	6/8/2019	2019-2023	1467/QĐ-TTg ngày 20/11/2018; 1584/QĐ-TTg ngày 09/06/2019; 6684/QĐ-ĐYT ngày 02/11/2018	161.783	15.226	15.226	7	146.557	146.557					111.883	111.883	20.000	20.000									

Phụ lục IV
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2021
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú					
								Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP	Trong đó: Thu bổ các khoản tăng trước		Thành toán dự				
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
	TỔNG SỐ							12.887.871	6.972.445	1.220.061	1.220.061	5.438.794	964.630	1.008.616	1.077.941	1.153.075	1.234.533	964.630				
A	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT							10.087.864	5.596.224	1.071.720	1.071.720	2.289.413	375.000	412.500	453.750	499.125	549.038	375.000				
-	Trích lập Quỹ phát triển đất (gồm 20% trích lập cấp huyện chuyển về cấp tỉnh và 20% trích lập cấp tỉnh)																					
-	Trích lập quỹ đo đạc bản đồ cấp tỉnh (10% thu cấp tỉnh)																					
-	Phân cấp cho cấp huyện																					
-	Đầu tư các dự án cấp tỉnh (70% nguồn thu cấp tỉnh)																					
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước ngày 31/12/2019							10.087.864	5.596.224	1.071.720	1.071.720	555.564	91.000	100.100	110.110	121.121	133.233	91.000				
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới Đắk Núi, đô thị Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	7032763	292	Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa			9.038.980	5.007.097	963.914	963.914	8.765.707	7.468	0	0	0	0	7.468				
2	Dự án Lăng quần nhân Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	7004686	011	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Gia Nghĩa			147.335	146.085	40.962	40.962	3.000	3.000	3.000				3.000				
3	Đường nối từ trục N9 (Khu tái định cư Đắk Núi) sang khu đất Lăng quần nhân	7004686	011	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Gia Nghĩa			13.202	13.202	11.500	11.500	1.391	1.391	1.391				1.391				
4	Doanh trại cơ quan quân sự thị xã Gia Nghĩa	7004686	011	Ban Chỉ huy quân sự thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa			39.649	39.649	26.800	26.800	3.000	3.000	3.000				3.000				
2	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành năm 2021							614.384	174.627	107.806	107.806	29.000	13.500	15.500				13.500				
	Linh vực gửi phòng, mất bằng, hạ tầng đô thị																					

Nguồn thu sử dụng đất được tính tăng bình quân mỗi năm 10%, dự kiến năm 2021 là 375.000 triệu đồng (cấp tỉnh 130.000 triệu đồng, cấp huyện 245.000 triệu đồng)

20% tổng nguồn thu

10% nguồn thu cấp tỉnh

80% nguồn thu cấp huyện

QĐ quyết toán 103/QĐ-STC 27/8/2020

Chờ quyết toán, nguồn SDD trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 16-20

Theo nguyên tắc: Bỏ từ 85% dự toán, còn lại bổ từ sau khi có khối lượng nghiệm thu, hoặc quyết định phê duyệt dự toán hoàn thành (10% chi phí dự phòng, 5% chi phí chờ quyết toán)

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-ITT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư TMDT		Dự kiến KH đầu tư trong hạn giải đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025		Trong đó: NSDP	Trong đó: Thủ hồi các khoản ứng trước XT/CB	Thanh toán nợ đọng XT/CB		
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
1	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư cho Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (khu tái định cư B) Công trình, dự án trong điểm	7689237	292	Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa		159/QĐ-UBND, ngày 20/01/2009	524.384	84.627	37.806	19.000	8.500	10.500	8.500								Bổ trí để hoàn thành dự án
2	Nâng cấp, sửa chữa đường tỉnh lộ 1.	7771423	292	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp		2019-2021	1248/QĐ-UBND 30/7/2019	90.000	90.000	70.000	70.000	10.000	5.000	5.000					5.000			
3	Các dự án chuyển tiếp, hoàn thành sau năm 2021							185.909	75.909	39.300	39.300	25.000	10.000	10.000	5.000				10.000			
1	Công trình, dự án trong điểm							434.500	414.500			337.587	60.032	52.455	43.100	91.000	91.000	91.000	60.032			
4	Trương cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 1)	7122739	093	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp	Gia Nghĩa	2021-2024	1439/QĐ-UBND 01/09/2017	185.909	75.909	39.300	39.300	25.000	10.000	10.000	5.000				10.000			Dự kiến đối ứng với phần vốn ODA (trên khai kế từ ngày ký kết Hợp đồng)
1	Các dự án khởi công mới năm 2021							420.000	400.000			325.262	55.707	48.455	39.100	91.000	91.000	91.000	55.707			Năm 2021, công tác chuẩn bị đầu tư; phê duyệt phương án GPMB. Trong giai đoạn 2021-2025, tập trung nguồn vốn SDD để thực hiện dự án. Dự kiến nguồn thu SDD trong giai đoạn tăng cao do đồng loạt triển khai các dự án phát triển đô thị trên địa bàn thành phố Gia Nghĩa nên đảm bảo nguồn vốn để thực hiện dự án.
2	Công viên hoa Thanh niên và Kieu vui chơi, giải trí thành phố Gia Nghĩa			Đoàn TNCS Hồ Chí Minh		2021-2023		14.500	14.500			12.325	4.325	4.000	4.000				4.325			Dự án GPMB
5	Bổ trí cho các dự án KCM sau năm 2021							61.500	61.500			156.509	0	22.145	62.010	30.121	42.233	23.000	23.000	23.000		
B	NGUỒN XỐ SỔ KIẾN THIỆT							61.500	61.500			115.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000	23.000			TBS
	Thực hiện bổ sung các nhiệm vụ thực hiện CT MTOG.Nông thôn mới (10%)							61.500	61.500			11.500	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300	2.300			Ưu tiên đầu tư Y tế, GDĐT, dạy nghề
	Còn lại đầu tư 90%							61.500	61.500			103.500	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700	20.700			Bổ trí đến 90% (phần còn lại chi phí dự phòng và chi quyết toán)
1	Khai công mới năm 2021							34.000	34.000			10.200	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	11.000	10.200			
1.1	Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk RLáp			Sở Y tế	Đắk RLáp			34.000	34.000			32.400	10.200	11.200	11.000	11.000	11.000	11.000	10.200			
1.3	Lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề			Sở Giáo dục và Đào tạo	Tuy Đức			10.000	10.000			9.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000			
1.4	Cải tạo cơ sở 2 Trường Cao đẳng Công nghệ Đắk Nông			Trường Cao đẳng công nghệ tỉnh Đắk Nông, Ban QLDA&PTT quy đất huyện Đắk GLong	Gia Nghĩa			7.500	7.500			7.000	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500	3.500			
1.5	Trường THPT Đắk GLong (giai đoạn 3)				Đắk GLong			10.000	10.000			9.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000			

TT	Danh mục dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-IT	Quyết định đầu tư TMBĐT		Đã bỏ tài sản đến hết KH năm 2020		Dự kiến KH đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Chi chú					
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP		Trong đó: Thành phần nợ các khoản vay trước XDCB				
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
2	Thông báo sau											1.000	1.000					1.000				Đối ứng cơ dự án Xây dựng mạng lưới y tế (Dự kiến 1 tỷ đồng)
3	Bỏ tài trợ các dự án KCM sau năm 2021											45.100	0	0	3.700	20.700	20.700					Nguồn cần đổi ngân sách địa phương giải ngân 2021-2025 được tính tổng bình quân hàng năm 6% (theo khoản 2, Điều 8, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ) dự kiến năm 2021 là 441.430 triệu đồng (theo Văn bản số 6842/BKHĐT-TT ngày 16/10/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)
C NGUỒN CÁN ĐỔI NSDP																						
I	Phân cấp cho cấp huyện (30%)							2.800.007	1.376.221	148.341	148.341	2.488.382	441.430	467.916	495.991	525.750	557.295	439.167				Phân bổ theo Nghị quyết 10/2020/NQ-HĐND ngày 22/9/2020, theo tỉ lệ: 12,51%; 10,91%; 14,90%; 12,13%; 10,63%; 12,77%; 12,13%; 14,02%
1	Huyện Củ Lư											93.422	16.573	17.567	18.621	19.738	20.923	16.573				
2	Huyện Krông Ng											81.457	14.450	15.317	16.236	17.210	18.243	14.450				
3	Huyện Đắk GLong											111.214	19.729	20.913	22.168	23.498	24.907	19.729				
4	Huyện Đắk Mĩ											90.573	16.667	17.031	18.053	19.136	20.285	16.067				
5	Huyện Đắk Song											79.360	14.078	14.923	15.818	16.767	17.723	14.078				
6	Huyện Tuy Đức											95.358	16.916	17.931	19.007	20.147	21.356	16.916				
7	Huyện Đắk RLấp											104.583	18.553	19.666	20.846	22.096	23.422	18.553				
8	Thành phố Gia Nghĩa											1.728.559	309.001	327.541	347.194	368.025	390.107	306.738				
II	Đầu tư cấp tỉnh (70%)											20.000	20.000									
I	Nguồn bổ sung cho đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương											1.748.559	329.001	327.541	347.194	368.025	390.107	329.001				
III	Tổng nguồn vốn do cấp tỉnh bổ trợ cho các dự án											227.847	206.074	88.770	88.770	88.770	88.770	88.770	0	0	0	0
III.1	Bổ trợ cho các dự án đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng											93.000	73.000	30.497	30.497	30.497	30.497	30.497	0	0	0	0
1	Trường bán thời gian trung tâm huyện Đắk CHQS tỉnh Đắk Nông/Quận Khu 5	011	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Krông Ng			QĐ 3706/QĐ-BQP ngày 04/02/2013															Chờ quyết toán
2	Trụ sở làm việc Trung tâm khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Nông	463	Trung tâm Khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp tỉnh Đắk Nông	Gia Nghĩa	2015-2017		205/QĐ-SKH UBND, 24/6/2015	9.812	8.039	8.039	8.039	843	843	843	843	843	843	843				Bổ trợ để hoàn thành dự án
3	Công trình: Trung tâm Văn hóa Thông tin tỉnh Đắk Nông, Gói số 8: Xây dựng hội quán lý và học nghiệp vụ, khai các học bộ, khai triển làm; Gói số 9: Xây dựng khu tổ chức lễ hội, khu phụ trợ, lễ dâng lễ thành	463	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Gia Nghĩa	2008-2012		1709/QĐ-UBND, ngày 08/11/2011	124.473	124.473	49.838	49.838	333	333	333	333	333	333	333				QĐ quyết toán số 1830/QĐ-UBND, ngày 06/11/2019
4	Hệ thống cấp nước thiên nhiên Đèo Nguyễn thuộc khu du lịch sinh thái văn hóa, lịch sử Năm Nung, xã Nam N'Long, huyện Đắk Song	7154462	Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch	Đắk Song	2.009		84/QĐ-SKH, ngày 28/5/2009	562	562	396	396	87	87	87	87	87	87	87				QĐ quyết toán số 130/QĐ-STC, ngày 21/8/2019

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chức vụ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Dự kiến KH đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021		Ghi chú					
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP		Trong đó:				
																	Tổng số	Trong đó: NSDP	Thụ lợi các khoản đang trước	Thanh toán nợ đọng	
1	Bổ trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2021	2	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
III.2								116.476	112.476	74.205	74.205	30.045	13.500	16.545	0	0	0	13.500			
1	Xây dựng thao trường huấn luyện, diễn tập theo tiêu chí 3 trong 1 của Bộ Quốc phòng tại căn cứ chiến đấu của huyện Tuy Đức	7004686	011	Ban Chỉ huy Quân sự huyện Tuy Đức	Tuy Đức	2019-2021	2078/QĐ-BCH 22/10/2018	15.000	15.000	11.955	11.955	2.545	1.500	1.045				1.500			
2	Đường hầm Sô chỉ huy cơ bản huyện Tuy Đức	7004686	011	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	Tuy Đức	2017-2021	1893/QĐ-UBND 31/10/2016	27.476	27.476	23.300	23.300	4.000	2.500	1.500				2.500			
3	Đường tránh thao trường và đường tải định danh cho bộ gia đình bị giải tỏa xây dựng thao trường chung hợp của lực lượng và trang thiết bị	7726326	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk Song	Krông Nô	2019-2021	1721/QĐ-UBND 31/10/2018	21.000	20.000	8.000	8.000	10.000	5.000	5.000				5.000			
4	Đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh, huyện Đắk Song	7727649	292	Ban Quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất huyện Đắk Song	Đắk Song	2019-2021	1724/QĐ-UBND 31/10/2018	18.000	15.000	13.500	13.500	1.500	1.500					1.500			
5	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông	7725122	103	Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh		2019-2021	1719/QĐ-UBND 31/10/2018	35.000	35.000	17.450	17.450	12.000	3.000	9.000				3.000			
III.3								183.740	183.740	61.000	61.000	95.000	29.000	30.000	36.000	0	0	29.000			
1	Xây dựng Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 làm nhân đến năm 2050	7787809	332	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Gia Nghĩa	2020-2022	1717/QĐ-UBND 16/10/2019; 964/QĐ-TTg 07/7/2020; 1575/QĐ-UBND 21/10/2020	59.000	59.000	20.000	20.000	30.000	5.000	10.000	15.000			5.000			
2	Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông	7726885	161	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp		2019-2023	1732/QĐ-UBND 21/10/2019	124.740	124.740	41.000	41.000	65.000	24.000	20.000	21.000			24.000			
III.4								1.650.767	232.381	87.341	87.341	123.708	25.000	36.708	15.000	25.000	22.000	25.000	17.000		
I	Bổ sung các dự án sử dụng NSTY, ODA Đắk Nông, làm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							624.839	87.000	44.000	44.000	36.000	17.000	19.000	0	0	0	17.000			
1.1	Hỗ chừa nước Nam Xuân, huyện Krông Nô	7634500	283	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông	Krông Nô		4425/QĐ-BNN-BXD 30/10/2017	487.000	55.000	30.000	30.000	20.000	9.000	11.000				9.000			
1.2	Hỗ chừa nước Đắk N'Ting, tỉnh Đắk Nông	7728850	283	Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông	Đắk Glong		1717/QĐ-UBND 31/10/2018	137.839	32.000	14.000	14.000	16.000	8.000	8.000				8.000			
2	Đãi ứng các dự án ODA Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							1.025.928	145.381	43.341	43.341	87.708	8.000	17.708	15.000	25.000	22.000	25.000	17.000		
2.1	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (đơn án VnSAT), tỉnh Đắk Nông	7544044	281	Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông		2015-2022	1974/QĐ-UBND 08/12/2015	260.679	15.780	13.280	13.280	2.000	1.000	1.000				1.000			
2.2	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014 - 2020	7487081	302	Ban quản lý dự án giao thông, dân dụng, công nghiệp		2015-2022	3337/QĐ-BCT ngày 17/9/2017; 182/QĐ-UBND 30/01/2019	34.600	4.600	1.000	1.000	3.600	2.000	1.600				2.000			
2.3	Dự án Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WB8), tỉnh Đắk Nông	7595791	283	Ban quản lý tiêu dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	Toàn tỉnh	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HTQT 09/04/2015	229.630	22.669	20.561	20.561	2.108	1.000	1.08				1.000			

Bổ trí đối ứng theo Công văn số 1236/UBND-KTKH ngày 15/3/2017; Công văn số 4502/UBND-KTKH ngày 18/9/2019 của UBND tỉnh

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		Quyết định đầu tư		Dự kiến KH đầu tư trong hạn giải đoạn 2021-2025 (1)						Xây dựng kế hoạch 2021		Chú chú				
							Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024		Năm 2025	Trong đó: NSDP	Trong đó:	
																						Thu hồi các khoản đang tính trước	Thành toán dự
1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
2.4	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông			Ban QLDA ĐTXD các công trình nông nghiệp và PTNT tỉnh Đắk Nông		2019-2025	1074/QĐ-UBND ngày 11/7/2018, 1073/QĐ-UBND ngày 11/7/2018	501.019	102.332	8.500	8.500	80.000	4.000	14.000	15.000	25.000	22.000	4.000				Dự án mới được Trung ương phê duyệt bổ sung KH ĐTC trong hạn ODA 2016-2020 tại QĐ số 1638/QĐ-TTg ngày 23/10/2020 (bổ trí 2020: 4 tỷ đồng); dự án đang trong quá trình thiết kế chi tiết	
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	7572458	283		Huyện Cư Jút	2018-2024	1074/QĐ-UBND ngày 11/7/2018	210.072	43.246	3.700	3.700	2.000	2.000					2.000					
-	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil tỉnh Đắk Nông	7572464	283		Huyện Đắk Mil	2018-2024	1073/QĐ-UBND, ngày 11/7/2018	290.947	59.086	4.800	4.800	2.000	2.000					2.000					
III.5	Các dự án khởi công mới năm 2021							965.500	960.100			816.205	258.238	227.293	259.401	82.459		0	241.552			Bổ trí vốn đến 85% dự toán NSDP, phần còn lại bổ trí sau khi có quyết định quyết toán hoàn thành (10% gồm chi phí dự phòng dự án và dự phòng 5% chi phí quyết toán giám); Ngoài ra, Chi phí GPMB các dự án cấp huyện làm CĐT do cấp huyện chi trả	
1	Linh vực đào thông, hạ tầng đô thị Dự án di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trong tâm thành phố Gia Nghĩa			Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa	Gia Nghĩa	2021-2024		420.000	400.000			611.350	180.897	159.193	188.801	82.459		0	180.897				
2	Dự án Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn 5 đàng, xã Đắk RL, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'na, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông			Ban QLDA giao thông, dân dựng, công nghiệp		2021-2023		79.000	79.000			66.150	11.430	13.630	12.530	28.560			11.430			Dự án dự kiến bổ trí trong 4 năm	
3	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đất Đắk Nur			Ban QLDA giao thông, dân dựng, công nghiệp		2021-2023		77.000	77.000			62.450	10.090	11.090	13.090	28.180			10.090			Dự án dự kiến bổ trí trong 4 năm	
4	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa			Ban QLDA và PT quỹ đất thành phố Gia Nghĩa		2021-2023		70.000	70.000			56.500	10.000	10.900	9.881	25.719			10.000			Dự án dự kiến bổ trí trong 04 năm; NS cấp huyện thực hiện GPMB	
5	Dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 28 nối với Đường liên xã Quảng Khê - Đắk Hà			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk GLong		2021-2023		14.500	14.500			12.325	4.000	4.000	4.325			4.000				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
6	Đường nối đất từ thôn 11 xã Quảng Hòa đi Quảng Sơn			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk GLong		2021-2023		14.000	14.000			11.900	3.900	4.000	4.000			3.900				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
7	Dự án Đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đắk Nyo huyện Tuy Đức			Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk RLấp		2021-2023		30.000	30.000			22.500	6.902	8.098	7.500			6.902				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
8	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác, thị trấn Kiến Đức, xã Quảng Tín, huyện Tuy Đức			Ban QLDA & PT quỹ đất huyện Đắk RLấp		2021-2023		40.000	40.000			31.000	9.300	10.300	11.400			9.300				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
9	Dự án Đường Nam Đà đi Đắk Đrô			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô		2021-2023		20.000	20.000			14.000	4.600	4.600	4.800			4.600				NS cấp huyện thực hiện GPMB	
10	Dự án Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô		2021-2023		30.000	24.600			20.500	6.500	8.500	5.500			6.500				NS cấp huyện thực hiện GPMB	

TT	Đanh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết Kì năm 2020		Dự kiến KHI đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021			Chi chủ		
							Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP	Trong đó:				
																			Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ đọng XD/CH			
1	Dự án Nâng cấp cầu tạo tuyến đường giao thông từ ngã tư Phan Chu Trinh và xã Nam Đông; hang mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng.	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	NS cấp huyện thực hiện GPMB	
11				Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút		2021-2023		50.000	50.000			39.000	9.000	11.000	19.000			9.000					
12	Dự án Nâng cấp cầu tạo đường giao thông liên xã Tân Thới - Ea Ting; hang mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng.			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút		2021-2023		30.000	30.000			22.500	5.500	8.500	8.500			5.500					
13	Dự án đường giao thông xã Nam Đông đi Đắk Drông - Đắk Wli			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Cư Jút		2021-2023		58.000	58.000			50.000	11.800	13.200	25.000			11.800					
14	Dự án Đường giao thông từ cầu Khau Đắk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ (ĐT 683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mĩ (giai đoạn 1)			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mĩ		2021-2023		36.000	36.000			27.600	9.200	9.200	9.200			9.200					
15	Đường giao thông liên xã Đắk R'la đi xã Đắk N'Drót, huyện Đắk Mĩ			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mĩ		2021-2023		53.000	53.000			42.000	11.000	12.000	19.000			11.000					
16	Đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song.			BQLDA và PTOĐ huyện Đắk Song		2021-2023		42.000	42.000			32.700	10.000	10.900	11.800			10.000					
17	Nâng cấp đường giao thông liên xã Đắk N'Drông - Thuận Hà			BQLDA và PTOĐ huyện Đắk Song		2021-2023		13.500	13.500			11.475	3.825	3.825	3.825			3.825					
18	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TD); HM: Xây dựng mới cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4,5Km đường.			BQLDA và PTOĐ huyện Tuy Đức		2021-2023		15.000	15.000			12.250	4.000	4.250	4.000			4.000					
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đắk R' Ti và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đắk W'er, huyện Đắk R'Lấp.			BQLDA và PTOĐ huyện Tuy Đức		2021-2023		22.000	22.000			17.600	5.200	6.200	6.200			5.200					
20	Tuyến đường giao thông liên xã Đắk R' Ti đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đắk R' Ti đến nơi nối đường vào xã Đắk Ngo).			BQLDA và PTOĐ huyện Tuy Đức		2021-2023		25.000	25.000			19.500	5.250	5.000	9.250			5.250					
1	Lĩnh vực Khoa học Công nghệ			Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Nông		2021-2023		10.000	10.000			8.500	2.800	2.800	2.900			2.800					
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025			Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh		2021-2023		24.700	24.700			20.000	5.000	7.000	8.000			5.000					
1	Lĩnh vực Nông nghiệp			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		2021-2023		15.000	15.000			18.700	5.150	6.150	7.400			5.150					
2	Xây dựng 10 trạm quản lý bảo vệ rừng tại các BQL bảo vệ rừng, phòng hộ, đặc dụng			Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Đắk Nông		2021-2023		7.000	7.000			5.950	1.900	1.900	2.150			1.900					
1	Lĩnh vực trợ số, cơ quan hành chính quản lý nhà nước			Sở Xây dựng		2021-2023		3.000	3.000			2.500	1.000	1.000	500			1.000					
2	Dự án Cầu tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Xây dựng tỉnh Đắk Nông			Sở Kế hoạch và Đầu tư		2021-2023		4.500	4.500			3.400	1.100	1.100	1.200			1.100					
3	Dự án Cầu tạo, sửa chữa Trụ sở, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông			Văn phòng HĐND tỉnh Đắk Nông		2021-2023		10.000	10.000			8.500	2.800	2.800	2.900			2.800					
4	Dự án Xây dựng hội trường 250 chỗ phục vụ các lễ hội HĐND tỉnh và các hội nghị khác			Sở Tài nguyên và Môi trường		2021-2023		27.000	27.000			22.000	6.000	7.000	9.000			6.000					
5	Dự án Hỗ trợ nâng và phòng tập trực huyện thuộc trụ sở làm việc UBND & UBND thành phố Gia Nghĩa			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất thành phố Gia Nghĩa		2021-2023		15.000	15.000			12.000	3.500	3.500	5.000			3.500					
1	Lĩnh vực văn hóa			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		2021-2023		3.000	3.000			2.500	1.000	1.000	500			1.000					
2	Chống xuống cấp tu bổ di tích địa điểm lưu niệm N'Trang Gu, xã Budo Chơh, huyện Krông Nô; hang mục: Nhà Bìa tường niệm và bia tưởng lễ thiết			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Krông Nô		2021-2023		6.000	6.000			5.000	2.000	1.500	1.500			2.000					
1	Hỗ trợ đầu tư trợ số cấp xã			Ban QLDA&PT quỹ đất huyện Đắk GLong		2021-2023		14.500	14.500			12.235	4.235	4.000	4.000			4.235					

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chức danh tư	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2020					Dự kiến KH đầu tư trong hạn giải ngân 2021-2025 (1)					Xây dựng kế hoạch 2021			Ghi chú		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số NSDP	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Trong đó: NSDP	Trong đó:					
																			Thư kế toán nợ các khoản ứng trước	Thư kế toán nợ đồng ý trước	XD/CB			
1	Trụ sở HĐND&UBND xã Đắk Nang	3	4	5	6	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	NS cấp huyện thực hiện GPMB		
3	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk R'Hi; Huyện mục: Xây mới Nhà làm việc ở một cửa, Nhà Nắng cấp, sửa chữa nhà làm việc công an xã, Nhà xe, nhà vệ sinh, Hạ tầng kỹ thuật và Trang thiết bị			Ban QLĐ&PT quỹ đất huyện Krông Nô	2021-2023	2021-2023		14.700	14.700			12.300	4.200	4.200	3.900			4.200						
4	Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng; Đầu tư xây dựng Nhà kho phào (Công trình cấp bách)			Ban QLĐ&PT quỹ đất huyện Tuy Đức	2021-2023	2021-2023		8.000	8.000			6.800	2.200	2.200	2.400			2.200						NS cấp huyện thực hiện GPMB
1	Dự án Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		4.500	4.500			3.800	1.500	1.500	800			1.500						Công trình cấp bách
2	Dự án Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		3.000	3.000			2.500	1.000	1.000	500			1.000						
3	Thao trường huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh, hạng mục: Sơn lập mặt bằng, kê ốp mái talay, công thoát nước			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		3.200	3.200			2.500	1.000	1.000	500			1.000						
4	Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Đắk Mil. Hạng mục: Nhà lợp tràm			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		3.700	3.700			3.145	1.145	1.000	1.000			1.000						
5	Doanh trại ĐBB30/6B994/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Nông. Hạng mục: Nhà bếp trường			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		8.700	8.700			6.800	2.800	2.000	2.000			2.800						
6	Dự án sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở doanh trại và nhà làm việc nghiệp vụ cảnh sát			Công an tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		14.500	14.500			12.325	4.325	4.000	4.000			4.325						
7	Dự án sửa chữa, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Dang (769)			Công an tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		2.500	2.500			2.125	725	700	700			725						
8	Dự án sửa chữa, cải tạo hệ thống mương dân nước Công an tỉnh			Công an tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		3.000	3.000			2.500	1.000	1.000	500			1.000						
9	Dự án Sửa chữa, cải tạo Trại tạm giam của Công an tỉnh Đắk Nông			Công an tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		2.500	2.500			2.125	725	700	700			725						
10	Phòng Cảnh sát cơ động (TSLV Công an thành phố Gia Nghĩa cũ)			Công an tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		10.000	10.000			8.500	2.800	2.800	2.900			2.800						
11	Dự án sửa chữa, nâng cấp Trường bán của Công an tỉnh			Công an tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		3.500	3.500			2.900	1.000	1.000	900			1.000						
12	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Dang (769)			Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		10.000	10.000			8.500	2.800	2.800	2.900			2.800						
13	Cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông			Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông	2021-2023	2021-2023		7.000	7.000			5.950	1.900	1.900	2.150			1.900						
	Chưa bị đầu tư											11.186	11.186					11.186						Chi tiết tại Phụ lục V
III.6	Các dự án khác công quỹ mới sau năm 2021											682.460		16.995	36.793	260.566	368.107							
D	NGUỒN CHÍNH PHỤ VAY VỐ CHO VAY LAI											526.000	105.200	105.200	105.200	105.200	105.200	105.200	105.200					Bộ tri cho các dự án ODA
1	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021 và thủy lợi			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016-2022	2016-2022	4638/QĐ-BNN-HQT ngày 09/11/2015; 873/QĐ-UBND ngày 6/6/2018	229.630				7.059	7.059	7.059				7.059						
1.1	Dự án Sửa chữa và Nâng cao an toàn đập (WBĐ), tỉnh Đắk Nông	7593791	283	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2016-2022	2016-2022	3606/QĐ-BNN ngày 04/9/2015; 3102/QĐ-BNN ngày 21/7/2016	201.807				3.250	3.250	3.250				3.250						
2	Cần nước, thoát nước			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan điều phối)	2017-2023	2017-2023	1288/QĐ-UBND ngày 26/4/2016; 919/QĐ-UBND ngày 1/6/2017	568.858				37.553	37.553	37.553				37.553						
3.1	Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á	7557066	292	Sở kế hoạch và Đầu tư	2018-2024	2018-2024	662/QĐ-UBND ngày 9/5/2019; 663/QĐ-UBND ngày 9/5/2019	516.715				2.500	2.500	2.500				2.500						
1.1	Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán, vốn vay ADB tỉnh Đắk Nông	7572458 7572454	283	Ban QLĐ&PT công trình NN&PTNT	2018-2024	2018-2024					2.500	2.500	2.500				2.500							Chưa nhận nợ
III	Thông báo sau											57.338	105.200	105.200	105.200	105.200	105.200	105.200	105.200					

PHỤ LỤC V
BỔ TRÍ VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
								Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	TỔNG SỐ	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
											11.186	
1	Dự án Kho vũ khí dân, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông, hạng mục: Sửa chữa nâng cấp nhà, đường bê tông, mương thoát nước, tường rào, kè taluy			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	Huyện Đắk Song				8.000	8.000	400	
2	Dự án Nâng cấp, cải tạo Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	TP Gia Nghĩa				3.000	3.000	200	
3	Dự án Xây dựng Trụ sở làm việc đội Kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng			Chi cục kiểm lâm tỉnh Đắk Nông	Huyện Đắk Mil				10.000	10.000	400	
4	Trụ sở làm việc chung cho các Hội cơ tỉnh chất đặc thù tỉnh Đắk Nông			Ban QLDA giao thông, dân dụng, công nghiệp	TP Gia Nghĩa				30.000	30.000	1.200	
5	Dự án xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, cải tạo khối phòng học 02 tầng thành nhà thư viện, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lê Duẩn, huyện Đắk G'Long			Sở Giáo dục và Đào tạo	Huyện Đắk G'long				10.000	10.000	400	
6	Dự án Nhà luyện tập và chạy chương trình Đoàn ca múa nhạc dân tộc tỉnh Đắk Nông			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	TP Gia Nghĩa				5.500	5.500	300	
7	Dự án trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Ha			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk G'Long	Huyện Đắk G'long				14.500	14.500	500	
8	Dự án Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk RLấp	Huyện Đắk RLấp				20.000	20.000	800	
9	Dự án Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND UBNDTTQVN xã Đắk Wer			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk RLấp	Huyện Đắk RLấp				15.000	15.000	500	
10	Dự án Đường từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (ĐH 59)			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Krông Nô	Huyện Krông Nô				20.000	20.000	700	
11	Dự án Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Mil	Huyện Đắk Mil				25.000	25.000	1.000	
12	Dự án Đường giao thông liên xã xã Đắk Hòa và xã Đắk Mol huyện Đắk Song			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Huyện Đắk Song				12.000	12.000	600	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Ngày lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	Dự án Đường giao thông liên xã Năm N'Jang - Trường Xuân, huyện Đắk Song			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Đắk Song	Huyện Đắk Song				40.000	40.000	1.400	
14	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'tiêh đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức (đoạn từ Ngã ba Phi Á đến Ngã ba Quảng Tân).			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Huyện Tuy Đức				23.000	23.000	800	
15	Dự án Tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'Tiêh đi Quảng Tâm (đoạn từ hướng Tỉnh lộ 1 đi Bon Bu N'Đơ B xã Quảng Tâm).			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Huyện Tuy Đức				14.000	14.000	600	
16	Trụ sở làm việc HDND - UBND - xã Quảng Tân			Ban QLDA và Phát triển quỹ đất huyện Tuy Đức	Huyện Tuy Đức				14.500	14.500	500	
17	Các dự án trung tâm thông tin Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông			BQL Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông	Các huyện				20.000	20.000	886	